

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ - NGÀNH KẾ TOÁN**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH
MTV HÓA KEO TÂN AN THỊNH**

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Lâm Xuân Đào
Sinh viên thực hiện : Nguyễn Lê Hoàng Oanh
Mã số sinh viên : 2254010093
Khóa học : 2022 - 2026
Lớp : 22KH2

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ - NGÀNH KẾ TOÁN**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH
MTV HÓA KEO TÂN AN THỊNH**

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Lâm Xuân Đào
Sinh viên thực hiện : Nguyễn Lê Hoàng Oanh
Mã số sinh viên : 2254010093
Khóa học : 2022 - 2026
Lớp : 22KH2

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

Năm học: 2025 – 2026

- Họ và tên sinh viên: Nguyễn Lê Hoàng Oanh
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 – 2026

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV
Hóa Keo Tân An Thịnh

5. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 25/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp này, trước hết em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất đến quý thầy cô đang giảng dạy tại khoa Kinh tế - Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. Trong suốt những năm học vừa qua, nhờ sự dẫn dắt và truyền đạt tận tâm của quý thầy cô, em đã không chỉ tích lũy được kiến thức chuyên môn mà còn học hỏi được nhiều kỹ năng, vốn sống quý báu. Đây chính là hành trang vững chắc để em tự tin bước vào môi trường thực tế sau này.

Đặc biệt, em xin được gửi lời tri ân chân thành đến cô hướng dẫn Th.S Lâm Xuân Đào, người đã trực tiếp chỉ dẫn em thực hiện bài khóa luận này. Dù công việc bận rộn, nhưng cô vẫn luôn dành thời gian quan tâm, theo dõi sát sao tiến độ và tận tình hỗ trợ mỗi khi em gặp khó khăn. Sự tận tụy và tinh thần trách nhiệm của Cô chính là nguồn động lực lớn nhất giúp em hoàn thành tốt bài làm của mình.

Bên cạnh đó, em xin gửi lời cảm ơn trân trọng đến Ban lãnh đạo cùng toàn thể các anh chị phòng Kế toán tại Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh. Cảm ơn mọi người đã tạo điều kiện, nhiệt tình hướng dẫn và chia sẻ những kinh nghiệm thực tế về nghiệp vụ, cũng như cung cấp các số liệu cần thiết để em hoàn thiện bài báo cáo một cách tốt nhất.

Cuối cùng em xin kính chúc quý thầy cô luôn thật nhiều sức khỏe, thành công trong lĩnh vực giảng dạy, công việc và cuộc sống. Chúc quý công ty ngày càng phát triển lớn mạnh.

Em đã cố gắng hoàn thành bài khóa luận với tinh thần trách nhiệm cao nhất. Tuy nhiên, do giới hạn về kiến thức và trải nghiệm thực tế, chắc chắn bài làm sẽ không tránh khỏi một số thiếu sót. Em rất mong nhận được thêm các ý kiến đóng góp từ quý thầy cô và các anh chị tại Công ty để chuyên đề của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường đầy biến động như hiện nay, lợi nhuận không chỉ là mục tiêu hàng đầu mà còn là yếu tố sống còn, quyết định sự tồn tại và phát triển của mọi thực thể kinh doanh. Để đạt được mục tiêu đó, hoạt động bán hàng đóng vai trò là "mắt xích" then chốt - giai đoạn cuối cùng của quá trình lưu thông, nơi giá trị hàng hóa được thực hiện và chuyển hóa thành tiền tệ. Việc ghi nhận chính xác doanh thu và tập hợp đầy đủ các khoản chi phí không chỉ giúp doanh nghiệp đánh giá đúng hiệu quả hoạt động, mà còn là cơ sở khoa học quan trọng để Ban lãnh đạo đưa ra các quyết định chiến lược trong tương lai.

Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh là đơn vị chuyên doanh trong lĩnh vực cung ứng các giải pháp vật tư kỹ thuật và hóa chất công nghiệp, bao gồm: các dòng sơn, dung môi và dầu nhớt chuyên dụng (dầu động cơ, dầu thủy lực, dầu bánh răng, mỡ bôi trơn). Đây là ngành hàng có tính cạnh tranh gay gắt, đòi hỏi sự chính xác tuyệt đối về chủng loại kỹ thuật và chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự biến động giá cả nguyên liệu đầu vào. Do đó, việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty là một yêu cầu thực sự thiết yếu nhằm quản lý chặt chẽ nguồn thu, tối ưu hóa giá vốn hàng bán và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Qua quá trình thực tập tại Công ty, em đã có cơ hội quý báu được tiếp cận thực tế công tác kế toán, đồng thời nhận được sự giúp đỡ tận tình từ Ban lãnh đạo cùng các anh, chị trong bộ phận Kế toán. Những kiến thức thực tiễn và kinh nghiệm quý báu mà các anh chị chia sẻ đã giúp em củng cố vững chắc nền tảng lý thuyết đã học tại nhà trường. Nhận thức được tầm quan trọng của việc ghi nhận doanh thu và xác định kết quả kinh doanh đối với sự tồn tại của đơn vị, em đã quyết định lựa chọn đề tài: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh” để làm nội dung cho bài Khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung khóa luận được kết cấu thành 3 chương chính:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh

Chương 3: Nhận xét và một số ý kiến nhằm đóng góp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	
LỜI MỞ ĐẦU	
MỤC LỤC	
DANH MỤC VIẾT TẮT.....	
DANH MỤC HÌNH ẢNH.....	
DANH MỤC SƠ ĐỒ	
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	1
1.1. Kế toán doanh thu, thu nhập khác	1
1.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	1
1.1.1.1. Nội dung.....	1
1.1.1.2. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu	1
1.1.1.3. Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp	2
1.1.1.4. Chứng từ sử dụng.....	2
1.1.1.5. Tài khoản sử dụng.....	2
1.1.1.6. Phương pháp hạch toán.....	3
1.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	5
1.1.2.1. Nội dung.....	5
1.1.2.2. Chứng từ sử dụng.....	5
1.1.2.3. Tài khoản sử dụng.....	5
1.1.2.4. Phương pháp hạch toán.....	6
1.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	6
1.1.3.1. Nội dung.....	6
1.1.3.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng	6
1.1.3.3. Tài khoản sử dụng.....	6
1.1.3.4. Phương pháp hạch toán.....	7
1.1.4. Kế toán thu nhập khác.....	8
1.1.4.1. Nội dung.....	8
1.1.4.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng	8
1.1.4.3. Phương pháp hạch toán.....	9

1.2. Kế toán các loại chi phí.....	10
1.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	10
1.2.1.1. Nội dung.....	10
1.2.1.2. Các phương pháp tính giá vốn	10
1.2.1.3. Chứng từ, sổ sách sử dụng	11
1.2.1.4. Tài khoản sử dụng.....	11
1.2.1.5. Phương pháp kế toán.....	12
1.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	12
1.2.2.1. Nội dung.....	12
1.2.2.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng	13
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng.....	13
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán.....	14
1.2.3. Kế toán chi phí tài chính	14
1.2.3.1. Nội dung.....	14
1.2.3.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng	15
1.2.3.3. Tài khoản sử dụng.....	15
1.2.3.4. Phương pháp hạch toán.....	15
1.2.4. Kế toán chi phí khác.....	16
1.2.4.1. Nội dung.....	16
1.2.4.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng	16
1.2.4.3. Tài khoản sử dụng.....	16
1.2.4.4. Phương pháp hạch toán.....	17
1.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	17
1.2.5.1. Nội dung.....	17
1.2.5.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng	18
1.2.5.3. Tài khoản sử dụng.....	18
1.2.5.4. Phương pháp hạch toán.....	19
1.3. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh	19
1.3.1. Nội dung.....	19
1.3.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng	19
1.3.3. Tài khoản sử dụng.....	20

1.3.4. Phương pháp hạch toán.....	21
CHƯƠNG 2 :THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV HÓA KEO TÂN AN THỊNH.....	22
2.1. Giới thiệu khái quát về công ty Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh.....	22
2.1.1. Thông tin, quá trình hình thành và phát triển về Công ty	22
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển Công ty TNHH TV Hóa Keo Tân An Thịnh	22
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh	23
2.1.3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý.....	23
2.1.3.2. Chức năng từng bộ phận	23
2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh	24
2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy kế toán.....	24
2.1.4.2. Chức năng của từng bộ phận.....	24
2.1.5. Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty	24
2.1.6. Chế độ, chính sách áp dụng tại Công ty.....	26
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh	27
2.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập khác.....	27
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng.....	27
2.2.1.2. Kế toán thu hoạt động tài chính	32
2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác.....	36
2.2.2. Kế toán chi phí	38
2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	38
2.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	41
2.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính	49
2.2.2.4. Kế toán chi phí khác.....	52
2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	59
2.2.3. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	67

2.2.3.1. Đặc điểm	67
2.2.3.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng	67
2.2.3.3. Tài khoản sử dụng	67
2.2.3.4. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty	67
CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM ĐÓNG GÓP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV HÓA KEO TÂN AN THỊNH.....	72
3.1. Những nhận xét về công tác kế toán tại Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh	72
3.1.1. Ưu điểm.....	72
3.1.2. Nhược điểm.....	73
3.2. Những nhận xét về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh.....	73
3.2.1. Ưu điểm.....	73
3.2.2. Nhược điểm.....	74
3.3. Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động tại Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh.....	76
KẾT LUẬN	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC VIẾT TẮT

Tên viết tắt	Tên đầy đủ
GTGT	Giá trị gia tăng
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
XNK	Xuất nhập khẩu
BVMT	Bảo vệ môi trường
BH	Bán hàng
CCDV	Cung cấp dịch vụ
KH	Khách hàng
HĐKT	Hợp đồng kinh tế
TSCĐ	Tài sản cố định
CCDC	Công cụ dụng cụ
SXKD	Sản xuất kinh doanh
SXC	Sản xuất chung
HTK	Hàng tồn kho
GTCL	Giá trị còn lại
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
NSNN	Ngân sách nhà nước
QLKD	Quản lý kinh doanh
HĐTC	Hoạt động tài chính
GVHB	Giá vốn hàng bán
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHTNLĐ	Bảo hiểm tai nạn lao động

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1: Giao diện phần mềm xuất hóa đơn Wininvoice	28
Hình 2.2: Hóa đơn GTGT số 5	28
Hình 2.3: Giao diện đăng nhập vào phần mềm Việt Đà	29
Hình 2.4: Giao diện chứng từ bán hàng kèm phiếu xuất kho	29
Hình 2.5: Sổ cái TK511 (Trích sổ cái TK 511)	30
Hình 2.6: Sổ Chi tiết TK5111 (Trích sổ cái TK 5111)	31
Hình 2.7: Sổ Nhật ký chung	32
Hình 2.8: Giấy báo Có lãi tiền gửi ngân hàng Vietcombank	33
Hình 2.9: Giao diện hạch toán lãi tiền gửi trên phần mềm	34
Hình 2.10: Sổ Cái TK 515 (Trích sổ Cái TK 515)	34
Hình 2.11: Sổ Chi tiết TK 515 (Trích sổ Chi tiết TK 515)	35
Hình 2.12: Sổ Nhật ký chung	35
Hình 2.13: Giao diện hạch toán thu nhập khác trên phần mềm	36
Hình 2.14: Sổ Cái TK 711 (Trích sổ Cái TK 711)	37
Hình 2.15: Sổ Chi tiết TK 711 (Trích sổ Chi tiết TK 711)	37
Hình 2.16: Sổ Nhật ký chung	38
Hình 2.17: Chứng từ bán hàng có giá vốn trên phần mềm	39
Hình 2.18: Phiếu xuất kho cho hóa đơn số 5	39
Hình 2.19: Sổ cái TK 632 (trích sổ cái TK632)	40
Hình 2.20: Sổ chi tiết TK 632 (trích sổ chi tiết TK 632)	41
Hình 2.21: Bảng chấm công tháng 12 tại Công ty	42
Hình 2.22: Bảng thanh toán tiền lương tháng 12 tại Công ty	42
Hình 2.23: Hạch toán lương trên phần mềm	43
Hình 2.24: Sổ theo dõi CCDC tháng 5	43
Hình 2.25: Sổ theo dõi TSCĐ tháng 5	43
Hình 2.26: Hóa đơn GTGT xăng số 905872	44
Hình 2.27: Giao diện hạch toán chi phí xăng trên phần mềm	44
Hình 2.28: Hóa đơn sửa xe số 00000733	45
Hình 2.29: Giao diện hạch toán chi phí sửa xe trên phần mềm	46
Hình 2.30: Sổ Cái TK 642 (Trích sổ Cái TK 642)	46
Hình 2.31: Sổ Chi tiết TK 6422 (Trích sổ Chi tiết TK 6422)	47
Hình 2.32: Sổ Nhật ký chung	48
Hình 2.33: Chứng từ giao dịch thanh toán nợ vay tại ngân hàng Vietcombank	49
Hình 2.34: Giao diện hạch toán thanh toán nợ vay tại ngân hàng Vietcombank	50
Hình 2.35: Sổ Cái TK 635 (Trích sổ Cái TK 635)	50

Hình 2.36: Sổ Chi tiết TK 635 (Trích sổ Chi tiết TK 635)	51
Hình 2.37: Sổ Nhật ký chung.....	51
Hình 2.38: Sao kê tiền thuế chậm nộp	53
Hình 2.39: Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước	54
Hình 2.40: Tiền phạt do trả nợ vay trước hạn	55
Hình 2.41: Giao diện hạch toán Tiền chậm nộp trên phần mềm.....	55
Hình 2.42: Giao diện hạch toán Tiền phạt trên phần mềm	56
Hình 2.43: Giao diện hạch toán chi phí BHXH, BHYT của giám đốc không hưởng lương	56
Hình 2.44: Sổ Cái TK 811 (Trích sổ Cái TK 811)	57
Hình 2.45: Sổ Chi tiết TK 811 (Trích sổ Chi tiết TK 811).....	58
Hình 2.46: Sổ Nhật ký chung.....	59
Hình 2.47: Giao diện đăng nhập phần mềm HTTK.....	60
Hình 2.48: Giao diện chọn tờ khai để kê khai thuế trên phần mềm HTTK.....	61
Hình 2.49: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.....	66
Hình 2.50: Sổ Cái TK 911 (Trích sổ Cái TK 911)	68
Hình 2.51: Sổ Chi tiết TK 911 (Trích sổ Chi tiết TK 911).....	69
Hình 2.52: Sổ Nhật ký chung.....	70
Hình 2.53: Phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	71
Hình 3.1: Các sổ của TK 711 và TK 811 tại công ty	75

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp.....	3
Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý (đối với bên nhận đại lý).....	4
Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý (đối với bên giao hàng đại lý).....	4
Sơ đồ 1.4: Hạch toán doanh thu theo phương trả chậm, trả góp.....	4
Sơ đồ 1.5: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu	6
Sơ đồ 1.6: Hạch toán doanh thu tài chính	7
Sơ đồ 1.7: Hạch toán thu nhập khác	9
Sơ đồ 1.8: Hạch toán giá vốn hàng bán	12
Sơ đồ 1.9: Hạch toán chi phí quản lý kinh doanh	14
Sơ đồ 1.10: Hạch toán chi phí tài chính	15
Sơ đồ 1.11: Hạch toán chi phí khác.....	17
Sơ đồ 1.12: Hạch toán chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp	19
Sơ đồ 1.13: Hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	21
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức Bộ máy quản lý tại Công ty.....	23
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức Bộ máy kế toán tại Công ty	24
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hình thức ghi sổ kế toán Nhật ký chung tại Công ty.....	25
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung trên máy tính	26

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1. Kế toán doanh thu, thu nhập khác

1.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1.1.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 57, Thông tư 133/2016/TT-BTC.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là khoản doanh thu mà doanh nghiệp thu được từ các hoạt động kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất hoặc các dịch vụ doanh nghiệp mua vào sau đó bán ra. Trong đó:

Doanh thu bán hàng: là bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: là doanh thu thực hiện công việc đã thỏa mãn theo hợp đồng trong một hay nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê tài sản cố định theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng...

1.1.1.2. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a) Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.1.1.3. Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp

Phương thức bán hàng trực tiếp: Bên mua cử đại diện đến nhận hàng trực tiếp tại kho hoặc phân xưởng của doanh nghiệp. Hàng hóa được xác định là tiêu thụ ngay sau khi bên mua nhận đủ hàng và hoàn tất thủ tục thanh toán hoặc chấp nhận nợ.

Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Doanh nghiệp dùng phương tiện vận tải (tự có hoặc thuê ngoài) để giao hàng đến địa điểm thỏa thuận. Quyền sở hữu chỉ chuyển giao và ghi nhận doanh thu khi bên mua đã kiểm nhận và chấp nhận thanh toán; chi phí vận chuyển được hạch toán tùy theo thỏa thuận giữa hai bên.

Phương thức bán hàng thông qua đại lý: Doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý để ký gửi bán hộ và trả hoa hồng. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi đại lý thông báo đã bán được hàng và thực hiện thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

Phương thức bán hàng trả góp, trả chậm: Khách hàng được quyền trả tiền nhiều lần và doanh nghiệp thu thêm một khoản lãi trả chậm. Về mặt hạch toán, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu ngay tại thời điểm bàn giao hàng cho người mua, dù về thực chất quyền sở hữu chỉ hoàn tất khi bên mua thanh toán hết tiền hàng.

1.1.1.4. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).

- Hóa đơn bán hàng (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc kinh doanh những mặt hàng không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT).

- Bảng kê bán lẻ hàng hoá, dịch vụ.

- Phiếu thu giấy báo có và các chứng từ liên quan khác.

1.1.1.5. Tài khoản sử dụng

TK 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” có 4 tài khoản cấp 2:

TK 5111 - Doanh thu bán hàng: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

TK 5112 - Doanh thu bán thành phẩm: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán.

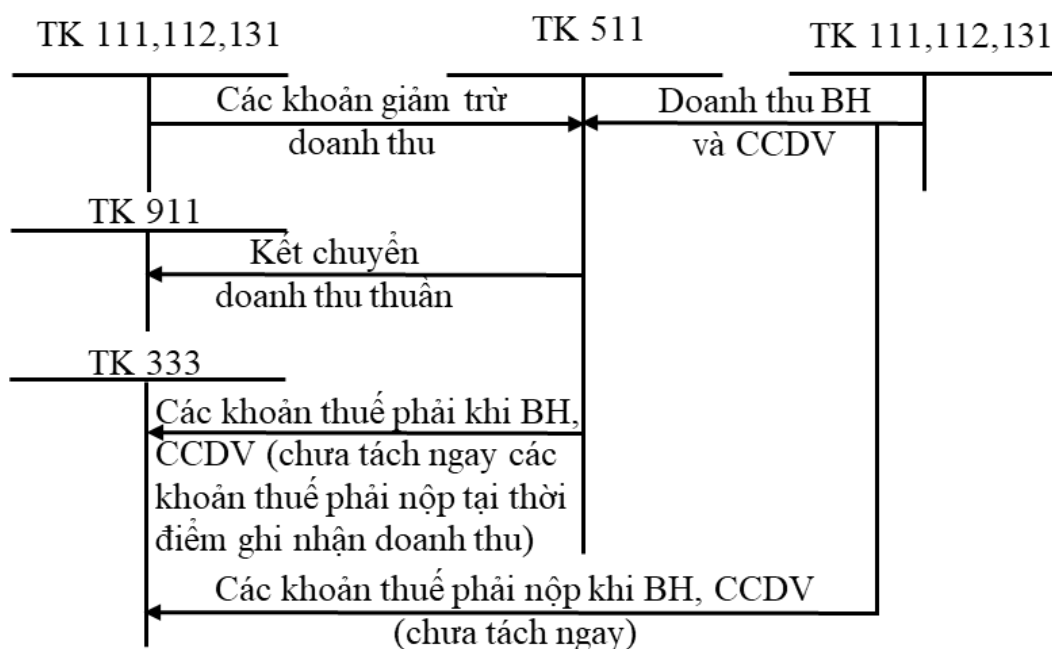
TK 5118 - Doanh thu khác: Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước.

Kết cấu tài khoản:

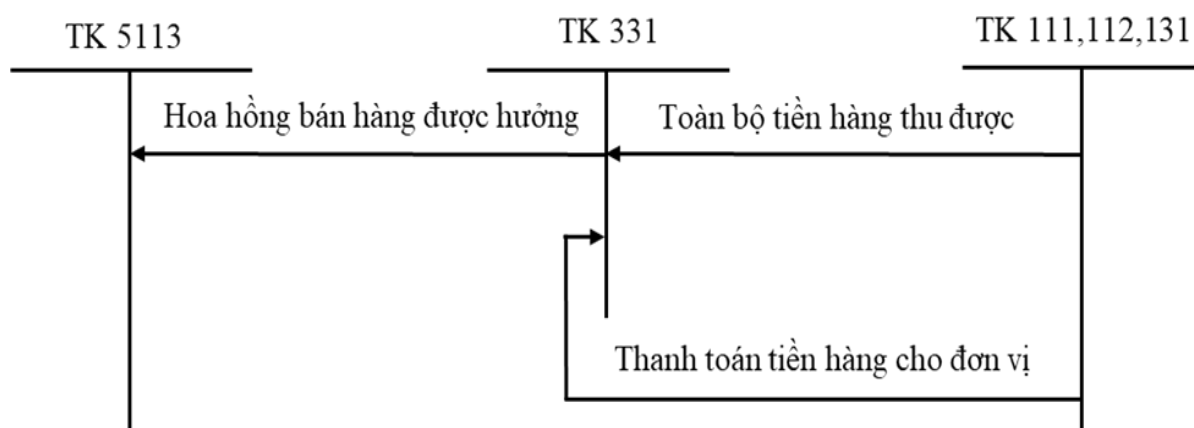
Nợ	TK 511	Có
+ Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT theo phương pháp trực tiếp, TTĐB, XK, BVMT). + Các khoản giảm trừ doanh thu + Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	✕	+ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán

Tài khoản 511 không có số dư

1.1.1.6. Phương pháp hạch toán



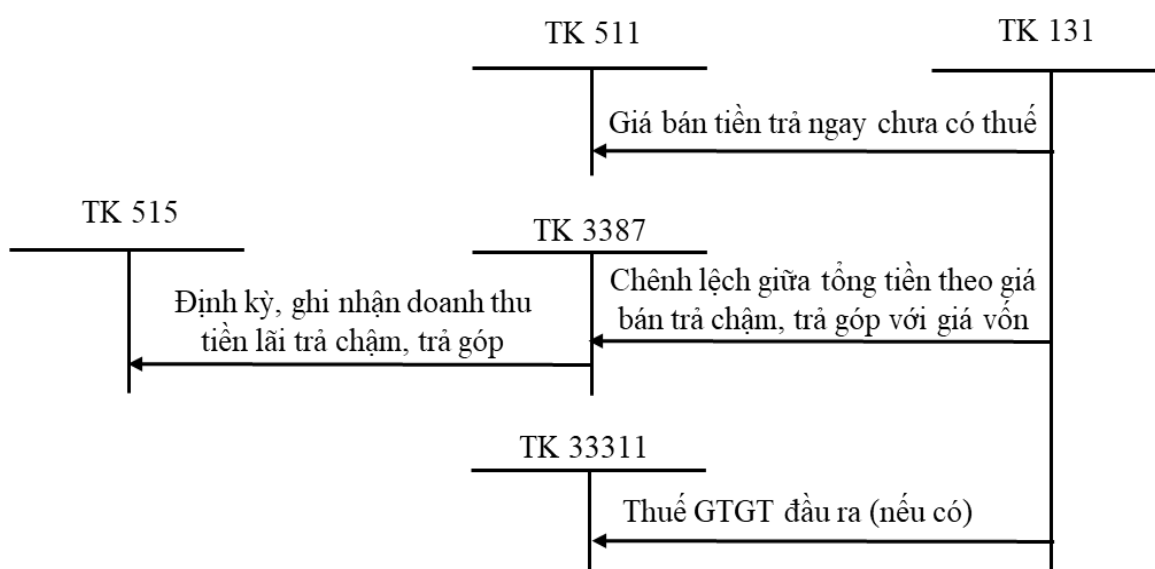
Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp



Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý (đối với bên nhận đại lý)



Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý (đối với bên giao hàng đại lý)



Sơ đồ 1.4: Hạch toán doanh thu theo phương pháp trả chậm, trả góp

1.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.1.2.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 57, Thông tư 133/2016/TT-BTC.

Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Chiết khấu thương mại: Là số tiền doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách hàng do mua hàng hoá, dịch vụ với số lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên các hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết về mua bán.

Giảm giá hàng bán: Giảm giá hàng bán là số tiền giảm trừ cho khách hàng trên giá bán đã thoả thuận do nguyên nhân thuộc về người bán như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, lỗi thời, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng...

Hàng bán bị trả lại: Hàng bán bị trả lại là giá trị của số thành phẩm, hàng hoá đã xác định tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như: Hàng kém phẩm chất, hàng không đúng kỹ thuật, sai chủng loại... Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hoá đơn (nếu trả lại một phần hàng), và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

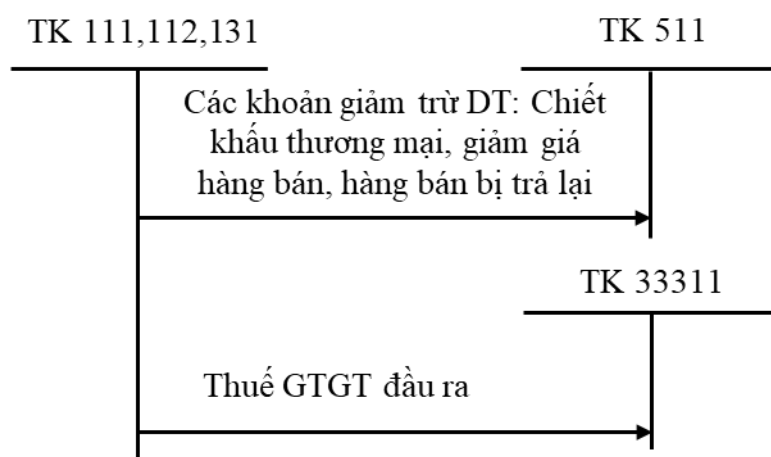
1.1.2.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Văn bản đề nghị giảm giá hàng bán
- Biên bản giảm giá hàng bán
- Văn bản đề nghị trả lại hàng hoá

1.1.2.3. Tài khoản sử dụng

Đề hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán hạch toán vào bên Nợ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

1.1.2.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.1.3.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 58, Thông tư 133/2016/TT-BTC:

Doanh thu tài chính là khoản thu nhập mà doanh nghiệp nhận được từ các hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ;...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.1.3.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Các chứng từ kế toán liên quan khác...

1.1.3.3. Tài khoản sử dụng

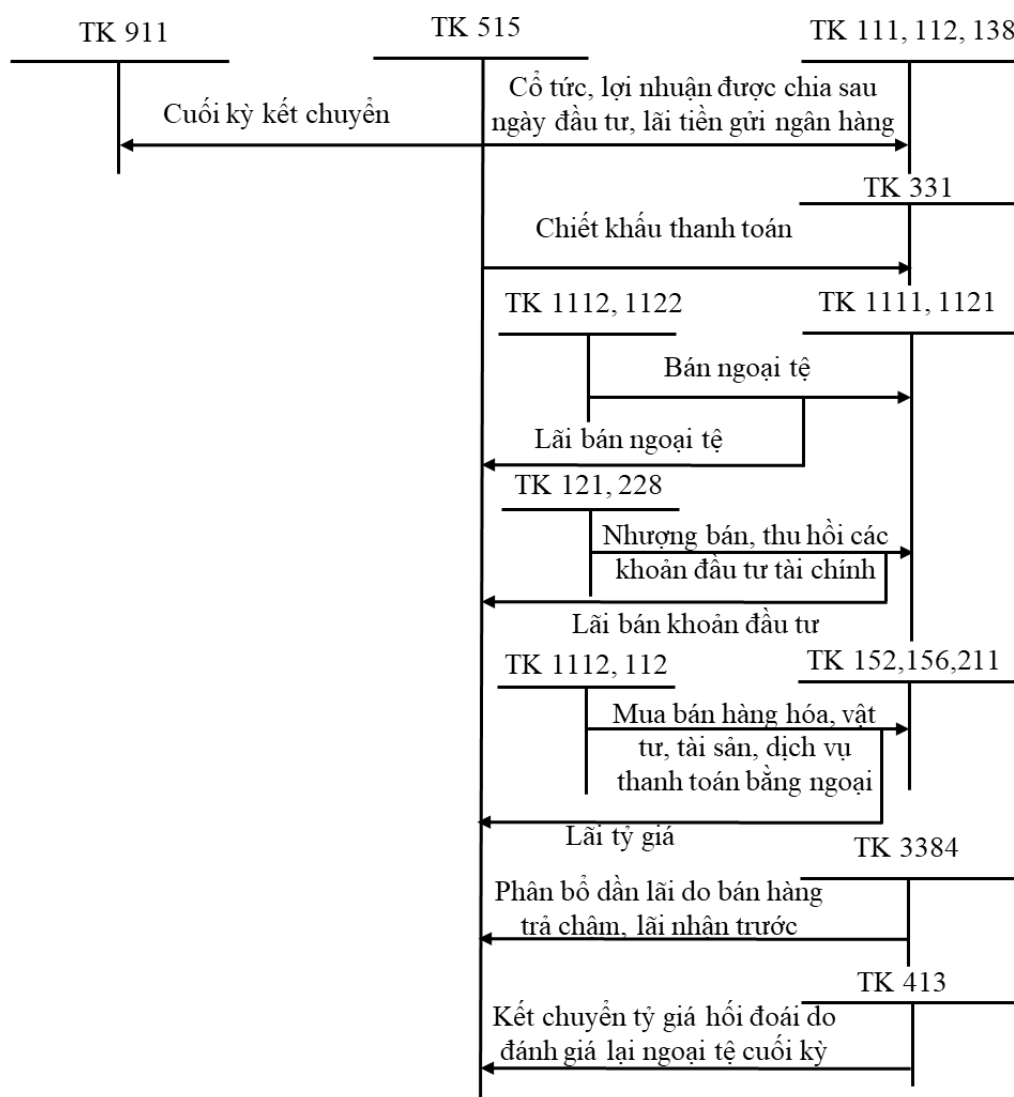
TK 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính” dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 515	Có
+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		+ Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp,... + Cổ tức lợi nhuận được chia + Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn + Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chuyển nhượng vốn,...

Tài khoản 515 không có số dư

1.1.3.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6: Hạch toán doanh thu tài chính

1.1.4. Kế toán thu nhập khác

1.1.4.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 65, Thông tư 133/2016/TT-BTC.

Thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác.
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm).
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự).
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

1.1.4.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Hóa đơn
- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Biên bản bàn giao, thanh lý TSCĐ
- Hợp đồng, quyết định, hóa đơn thanh lý, nhượng bán TSCĐ

1.4.3. Tài khoản sử dụng

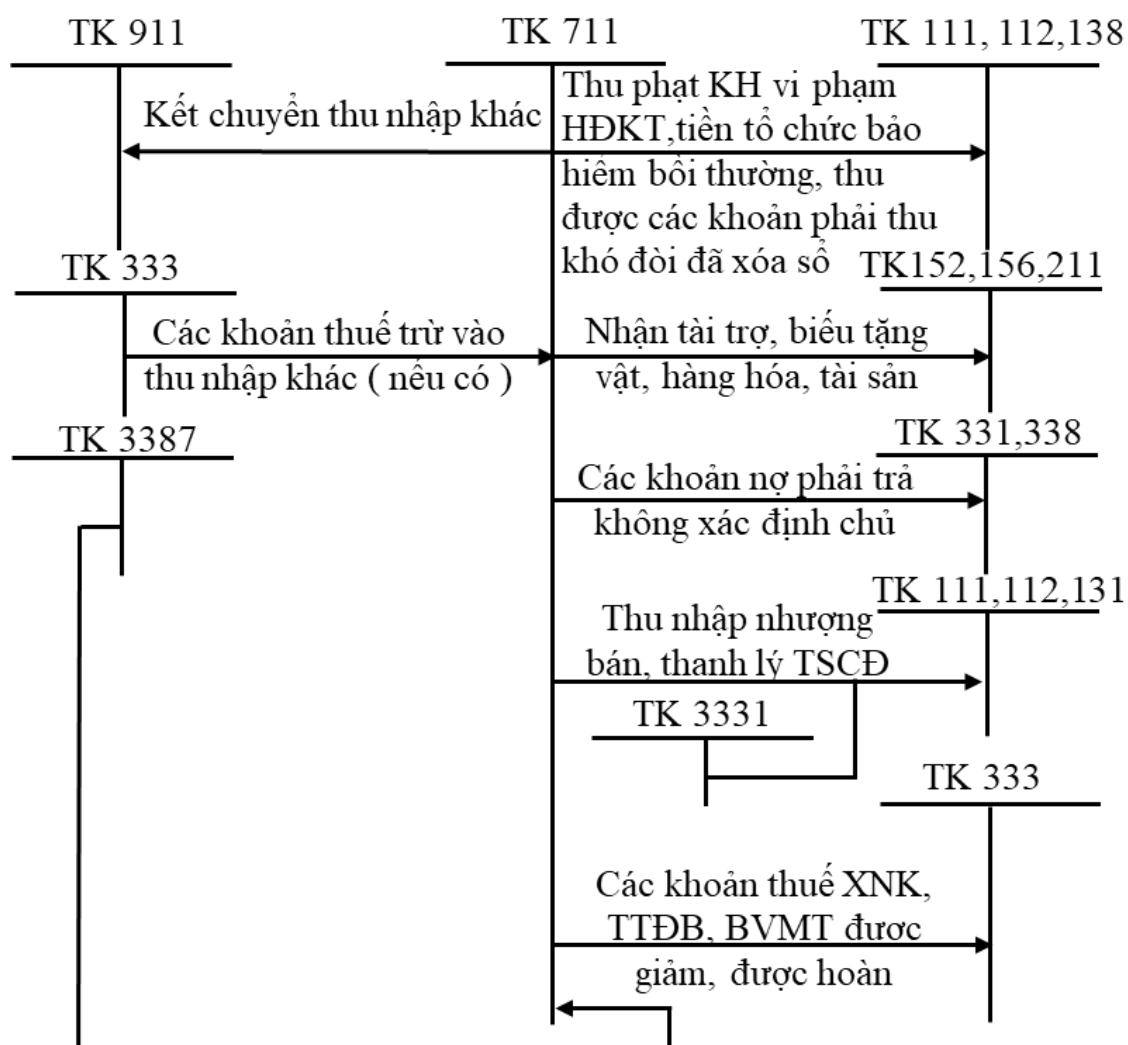
TK 711 – “Thu nhập khác” dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 711	Có
+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		+ Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
	✕	

Tài khoản 711 không có số dư

1.1.4.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Hạch toán thu nhập khác

1.2. Kế toán các loại chi phí

1.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.1.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 62, Thông tư 133/2016/TT-BTC:

Giá vốn hàng bán là tổng trị giá của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động; chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

1.2.1.2. Các phương pháp tính giá vốn

Để tính giá trị hàng xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong ba phương pháp tính giá xuất kho sau:

Xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước: Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau, Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá trị để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

Xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh: Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến khi xuất ra (từ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

Xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền: Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Cụ thể:

+ Bình quân gia quyền cuối kỳ:

Đơn giá thực tế bình quân HTK i	=	$\frac{\text{Giá trị thực tế hàng i tồn đầu kì} + \text{Giá trị thực tế hàng i nhập trong kì}}{\text{Số lượng hàng i tồn đầu kì} + \text{Số lượng hàng i nhập trong kì}}$
---------------------------------	---	---

Giá thực tế hàng i xuất dùng	=	$\text{Số lượng mặt hàng i tồn kho xuất dùng} \times \text{Đơn giá thực tế bình quân của HTK loại i}$
------------------------------	---	---

+ Bình quân thời điểm:

Đơn giá thực tế bình quân HTK sau mỗi lần nhập thứ n	Giá trị thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n	+	Giá trị thực tế hàng i nhập kho ở lần thứ n
=	Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n	+	Số lượng hàng i nhập kho ở lần thứ n

Giá thực tế hàng i xuất dùng	=	Số lượng mặt hàng i xuất dùng	x	Đơn giá thực tế của hàng i sau lần nhập t
------------------------------	---	-------------------------------	---	---

1.2.1.3. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn

1.2.1.4. Tài khoản sử dụng

TK 632 – “Giá vốn hàng bán” dùng để phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

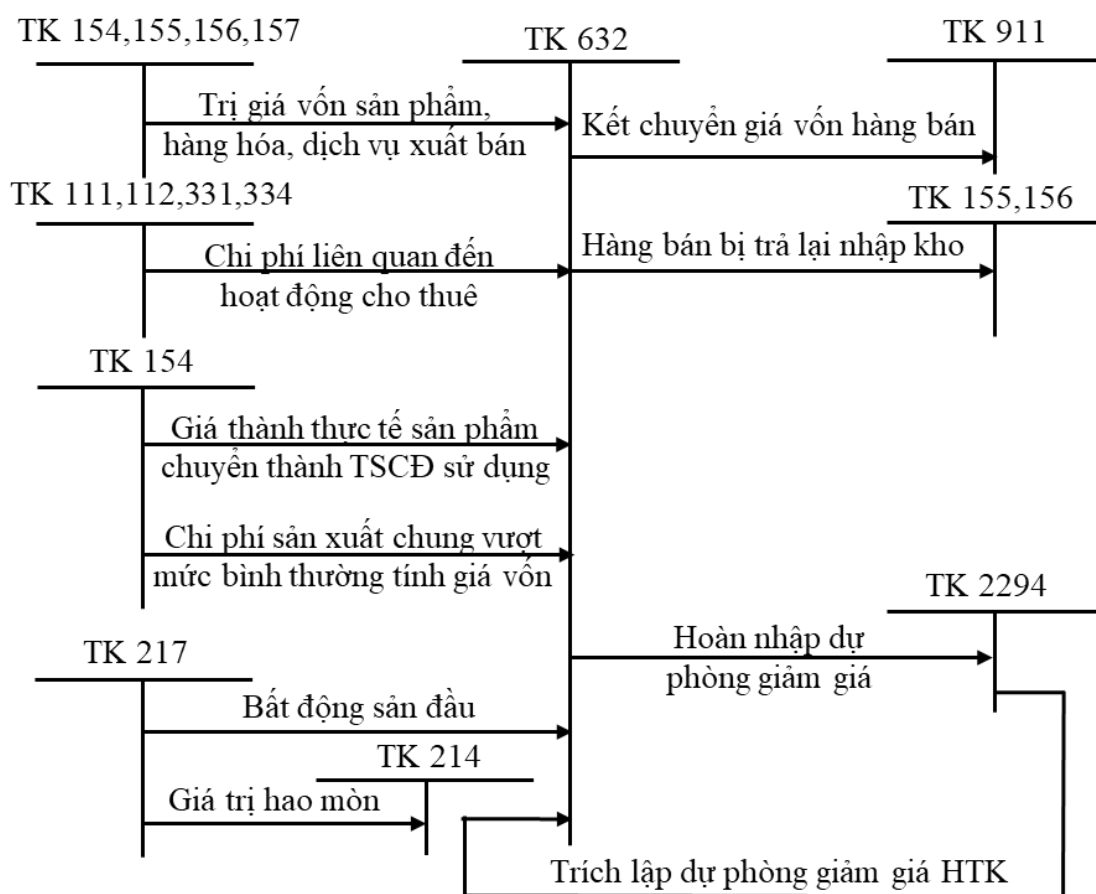
Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 632	Có
+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.		+ Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.		+ Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).		+ Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.



Tài khoản 632 không có số dư

1.2.1.5. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.8: Hạch toán giá vốn hàng bán

1.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.2.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 64, Thông tư 133/2016/TT-BTC:

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ, xăng dầu...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

1.2.2.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Bảng chấm công, bảng tính lương và các khoản trích theo lương
- Thông báo nộp BHYT, BHXH, BHTN, BHTNLĐ
- Bảng phân bổ CCDC, khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

TK 642 – “Chi phí quản lý kinh doanh” có 2 tài khoản cấp 2

TK 6421 - Chi phí bán hàng: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

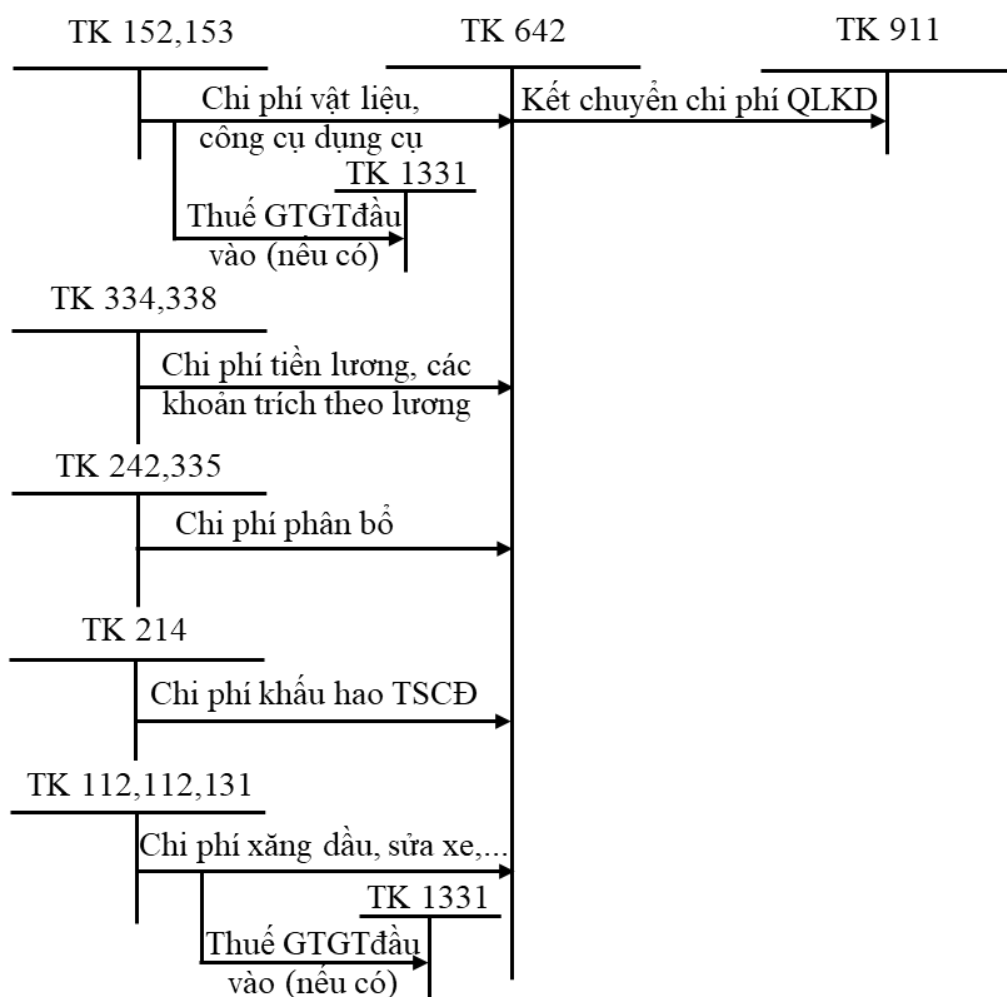
Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 642	Có
+ Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.		+ Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh.
+ Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).		+ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
		+ Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả hoạt động kinh doanh".



Tài khoản 632 không có số dư

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9: Hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3. Kế toán chi phí tài chính

1.2.3.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 63, Thông tư 133/2016/TT-BTC

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; Lỗ bán ngoại tệ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
- Các khoản chi phí tài chính khác.

1.2.3.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Giấy báo Nợ
- Phiếu chi
- Và các chứng từ liên quan ,...

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng

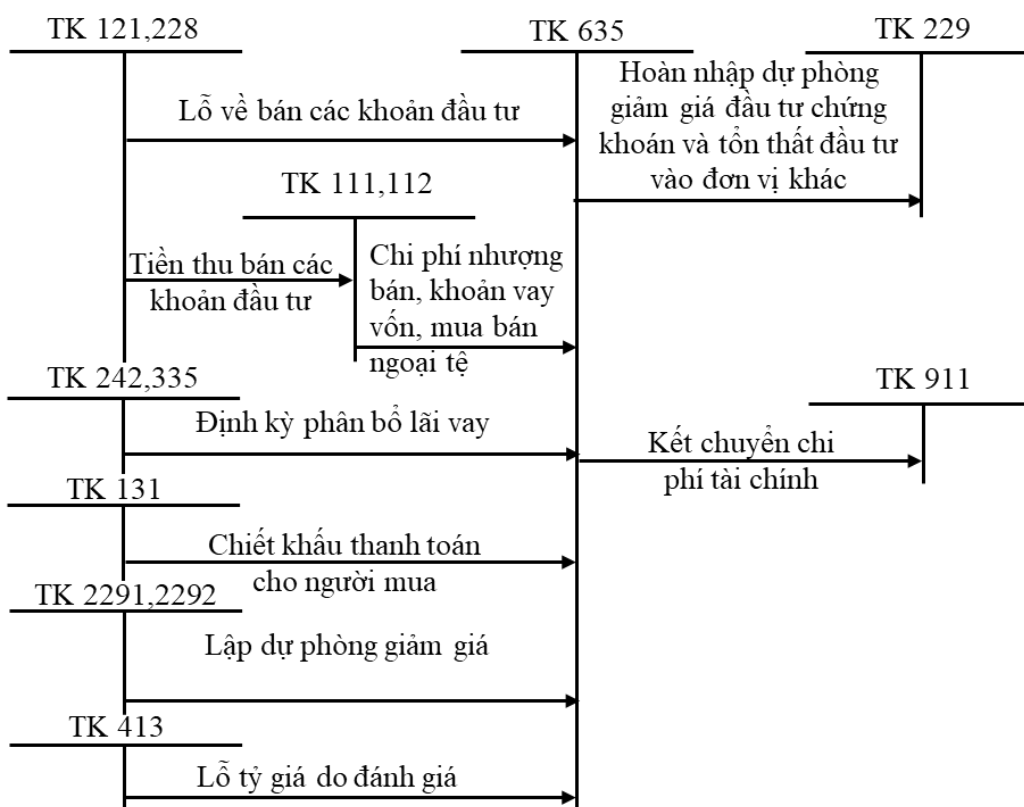
Tài khoản 635- “Chi phí tài chính” dùng để phản ánh những chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 635	Có
+ Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ.		+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
+ Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).		+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10: Hạch toán chi phí tài chính

1.2.4. Kế toán chi phí khác

1.2.4.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 66, Thông tư 133/2016/TT-BTC.

Chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ.
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác.
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính.
- Các khoản chi phí khác.

1.2.4.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước
- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Biên bản thanh lý tài sản cố định
- Biên bản đánh giá lại tài sản cố định
- Quyết định phạt từ cơ quan nhà nước
- Các chứng từ liên quan khác

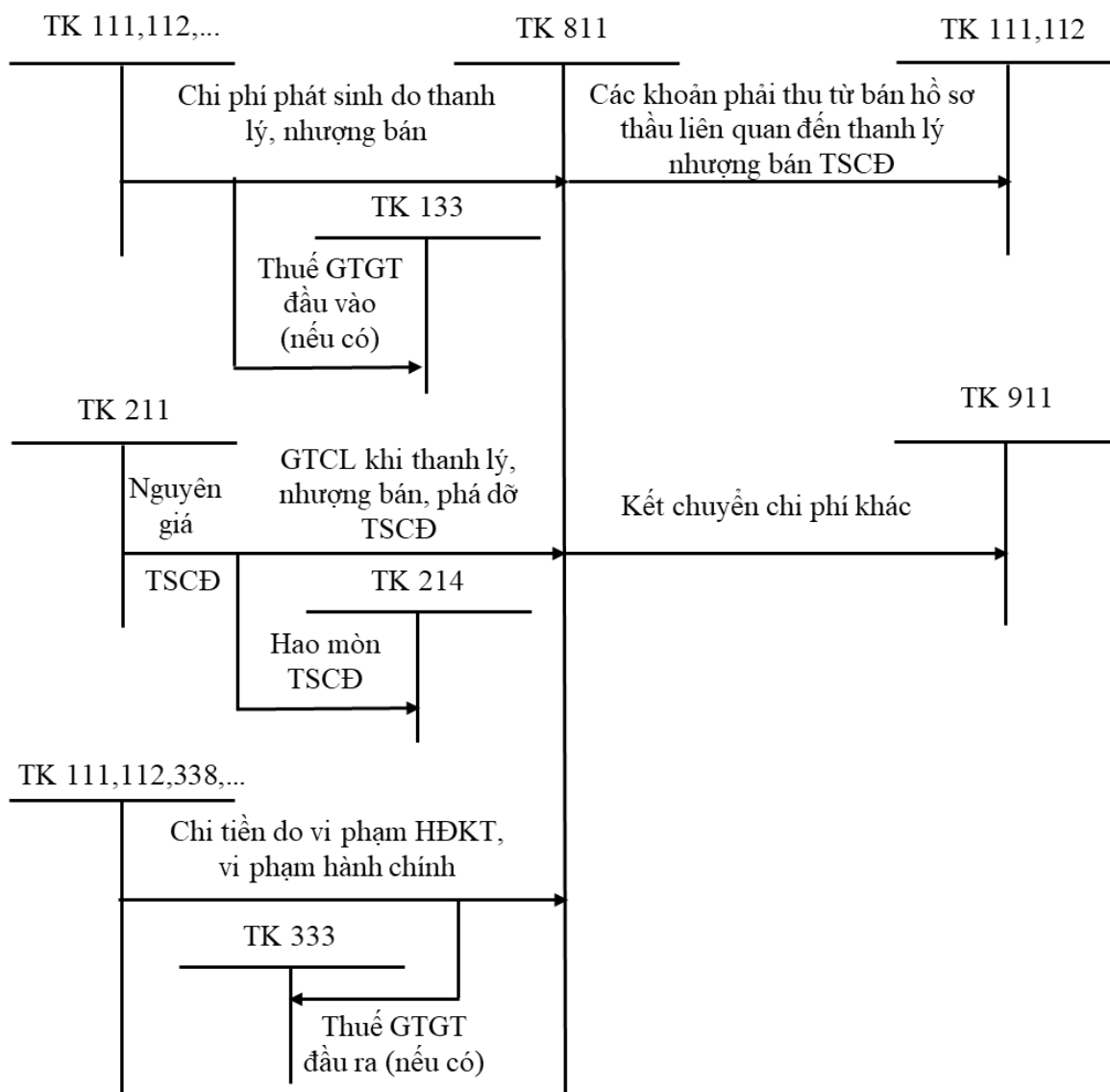
1.2.4.3. Tài khoản sử dụng

TK 811 – “Chi phí khác” dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh chính tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 811	Có
+ Các khoản chi phí phát sinh.		+ Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911.
		
	Tài khoản 811 không có số dư	

1.2.4.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11: Hạch toán chi phí khác

1.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.5.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 67, Thông tư 133/2016/TT-BTC.

- Phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản này là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- Hàng quý, kế toán căn cứ vào chứng từ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Cuối năm tài chính, căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế, nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm nhỏ hơn số phải nộp cho năm đó, kế toán ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thêm vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp của năm đó, kế toán phải ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp.

1.2.5.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước
- Tờ khai quyết toán TNDN (03/TNDN) (TT 80/2021)

1.2.5.3. Tài khoản sử dụng

TK 821 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

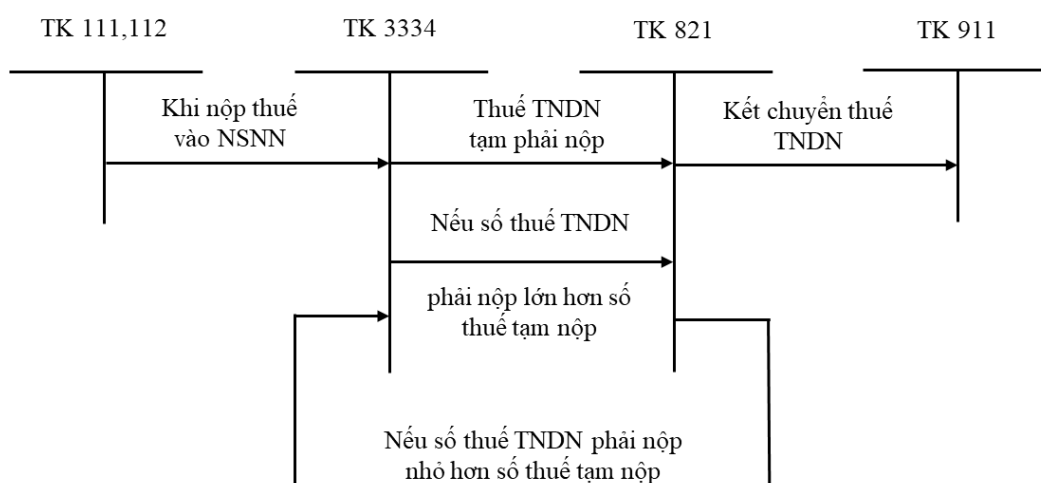
Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 821	Có
+ Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm.		+ Số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong năm.
+ Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.		+ Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại.
		+ Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm vào TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.



Tài khoản 821 không có số dư

1.2.5.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.3.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 68 , Thông tư 133/2016/TT-BTC:

- Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.3.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng

a. Chứng từ sử dụng

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02–DNN)

b. Sổ sách sử dụng

- Sổ Cái TK 911

- Sổ Chi tiết TK 911

- Sổ Nhật ký chung

c. Đo lường xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế TNDN = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế – Chi phí thuế TNDN

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần HĐKD + Lợi nhuận khác

Chi phí thuế TNDN = Thu nhập tính thuế x Thuế suất thuế TNDN

Lợi nhuận thuần HĐKD = Lợi nhuận gộp + Doanh thu tài chính – Chi phí tài chính – Chi phí QLKD

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

Lợi nhuận gộp = Doanh thu thuần BH và CCDV – GVHB

1.3.3. Tài khoản sử dụng

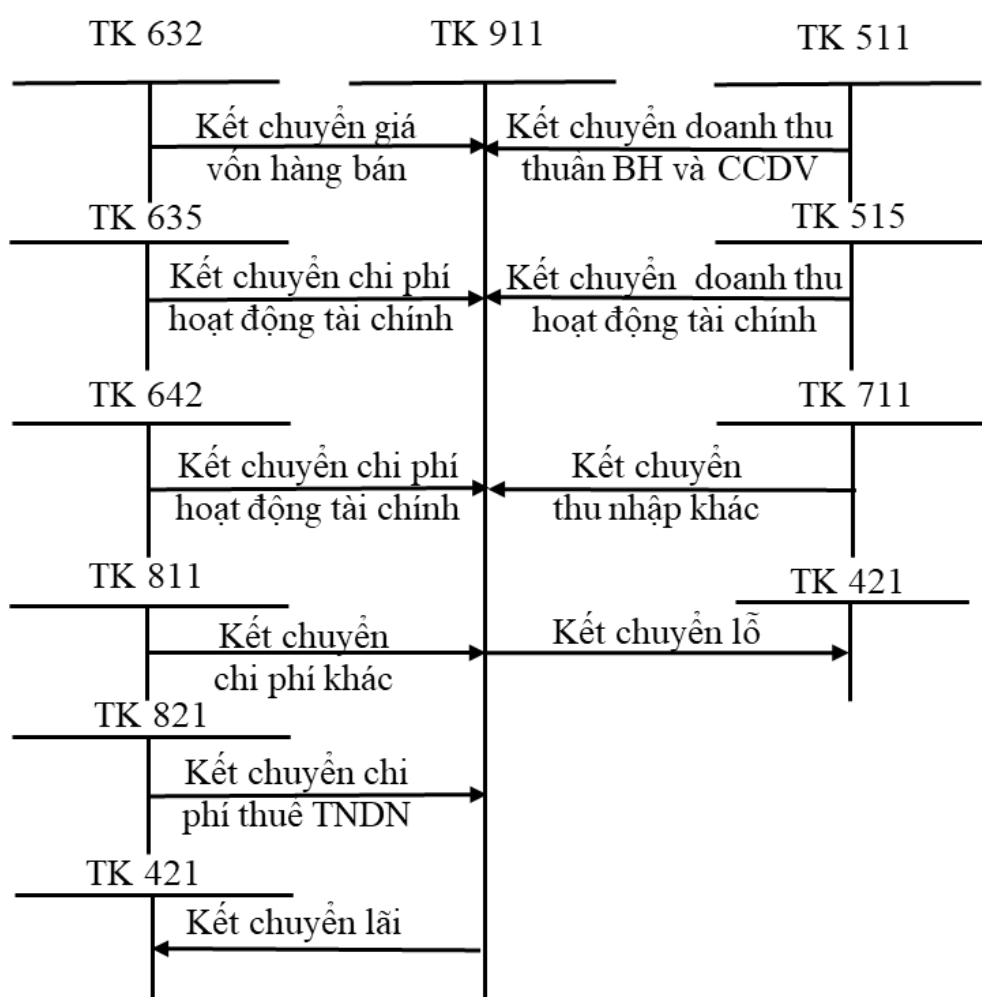
TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 911	Có
+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;		+ Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
+ Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;		+ Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
+ Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;		+ Kết chuyển lỗ.
+ Kết chuyển lãi.		

Tài khoản 911 không có số dư

1.3.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.13: Hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 2 :THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV HÓA KEO TÂN AN THỊNH

2.1. Giới thiệu khái quát về công ty Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh

2.1.1. Thông tin, quá trình hình thành và phát triển về Công ty

Tên đầy đủ: CÔNG TY TNHH MTV HÓA KEO TÂN AN THỊNH

Tên quốc tế: TAN AN THINH CHEMICAL GLUE COMPANY LIMITED

Tên doanh nghiệp viết tắt: TAN AN THINH CHEMICAL GLUE COMPANY LIMITED

Mã số thuế: 0401895421

Vốn điều lệ: 3.000.000.000

Ngày thành lập: 26/04/2018

Địa chỉ: Lô 51, B1-54 Khu đô thị sinh thái Hòa Xuân, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật: Hồ Thanh Tú

Số điện thoại: 0905368858

Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn ngoài NN

Ngành nghề kinh doanh chính: Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh

Quản lý bởi: Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng

Tình trạng: Hiện tại công ty vẫn đang hoạt động và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh

Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh chính thức gia nhập thị trường vào ngày 26/04/2018 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401895421 do sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Với vị trí đặc địa tại khu vực Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, một vị trí chiến lược đóng vai trò là cửa ngõ kết nối các khu đô thị mới đang phát triển năng động, tạo điều kiện lý tưởng cho việc điều phối hàng hóa và giao thương trong khu vực phía Nam thành phố.

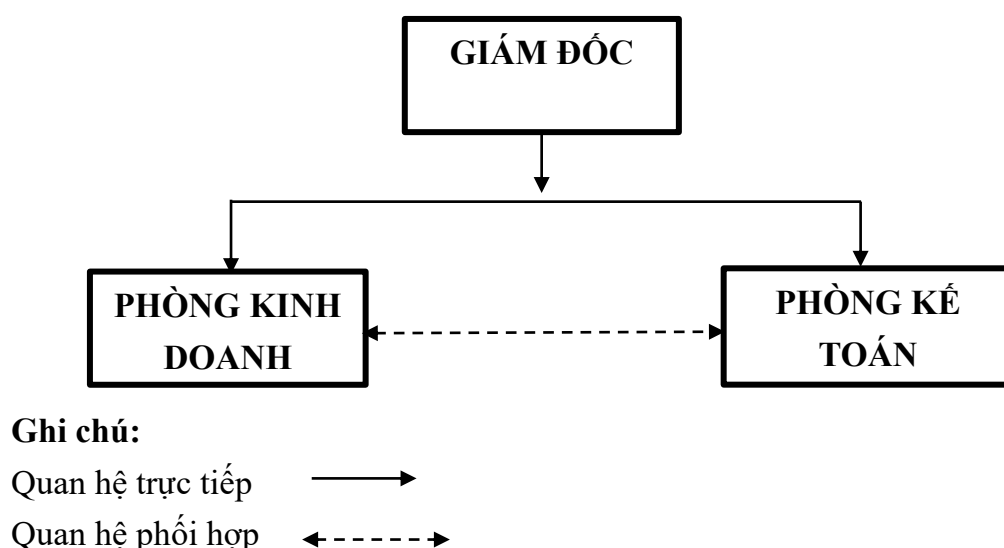
Ra đời trong bối cảnh thị trường vật tư kỹ thuật đòi hỏi sự chuyên biệt hóa cao, dưới sự định hướng chiến lược của ông Hồ Thanh Tú, Tân An Thịnh đã trải qua hành trình gần 8 năm không ngừng nỗ lực để khẳng định vị thế. Từ những ngày đầu thành lập với quy mô còn khiêm tốn, Công ty đã sớm kiện toàn bộ máy quản lý và xác định rõ lộ trình phát triển bền vững dựa trên nền tảng kỹ thuật chuyên sâu. Lĩnh vực hoạt

động trọng tâm của đơn vị tập trung vào việc cung ứng các dòng sơn công nghiệp, dung môi, dầu nhớt cùng hệ thống phụ kiện chuyên dụng ngành sơn.

Sự kết hợp linh hoạt giữa danh mục sản phẩm đa dạng và các dịch vụ hỗ trợ như vận tải hàng hóa đã giúp Công ty tối ưu hóa chuỗi giá trị, từ đó kiến tạo lợi thế cạnh tranh khác biệt trên thị trường. Với phương châm lấy uy tín làm nền tảng và chất lượng làm thước đo giá trị, Tân An Thịnh cam kết mang đến những giải pháp vật tư toàn diện cho các công trình. Hiện nay, Công ty vẫn đang không ngừng hoàn thiện quy trình vận hành và hệ thống kiểm soát nội bộ, đặc biệt là công tác kế toán bán hàng, nhằm đảm bảo sự minh bạch về tài chính và củng cố niềm tin vững chắc đối với các đối tác, khách hàng trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh

2.1.3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức Bộ máy quản lý tại Công ty

2.1.3.2. Chức năng từng bộ phận

Giám đốc: Là người có trách nhiệm chỉ đạo và điều hành, quản lý mọi hoạt động hằng ngày của Công ty và đại diện cho mọi nghĩa vụ, quyền hạn của Công ty trước Pháp luật và cơ quan Nhà nước.

Đưa ra những chỉ đạo cho các phòng ban để điều hành bộ máy Công ty và đưa ra những chỉ thị để thực hiện các công tác tổ chức cán bộ, quyết định chế độ tiền lương, sắp xếp, bố trí và đề bạt nguồn nhân sự của đơn vị.

Phòng kinh doanh: Tổ chức thực hiện và giám sát kế hoạch kinh doanh, ngân sách và chỉ tiêu tiêu thụ hàng hóa hàng năm, hàng tháng.

Chủ trì nghiên cứu thị trường, tìm hiểu nhu cầu khách hàng để mở rộng mạng lưới phân phối và phát triển dịch vụ.

Trực tiếp tham mưu, xây dựng chính sách bán hàng, chương trình quảng cáo và các ưu đãi khách hàng trình Giám đốc phê duyệt.

Thiết lập, đánh giá và cải tiến liên tục các quy trình nghiệp vụ nhằm tối ưu hóa hoạt động.

Đồng thời, chịu trách nhiệm quản lý nhân sự, phân công công việc nội bộ và thực hiện hệ thống báo cáo theo quy định của Ban điều hành.

Phòng kế toán: Thực hiện ghi chép, hạch toán đầy đủ, chính xác và kịp thời các nghiệp vụ tài chính, tài sản, nguồn vốn theo đúng quy định pháp luật và chế độ kế toán hiện hành.

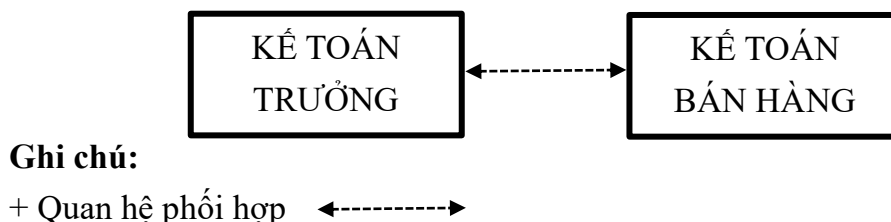
Đảm bảo tính hợp pháp của sổ sách, thực hiện chính xác các nghiệp vụ tính lương, thuế, bảo hiểm và quản lý công nợ.

Chủ trì xây dựng kế hoạch tài chính, quy định quản lý nội bộ (thu chi, định mức, dòng vốn) và trực tiếp quản lý hoạt động đầu tư, cho vay của đơn vị.

Đồng thời, cung cấp báo cáo kịp thời và tham mưu cho Giám đốc các giải pháp tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh, đảm bảo chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách tài chính của Nhà nước và Công ty.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh

2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức Bộ máy kế toán tại Công ty

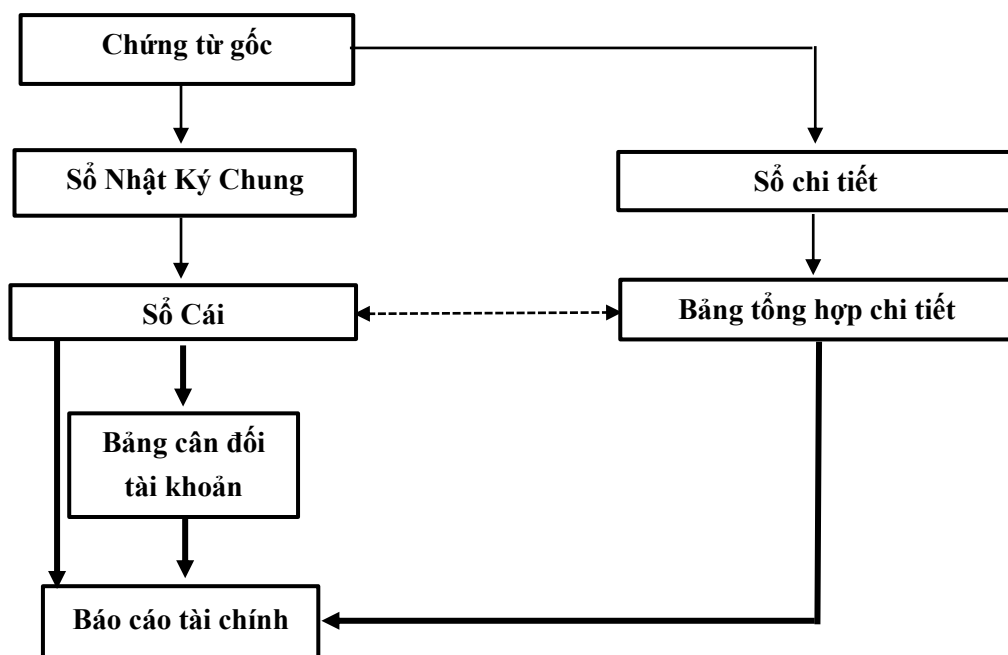
2.1.4.2. Chức năng của từng bộ phận

Kế toán trưởng: Là người quản lý chung bộ phận kế toán. Đảm bảo tính hợp pháp của sổ sách kế toán. Giám sát, kiểm tra việc quyết toán, bảo quản và quản lý lưu trữ tài liệu kế toán, lập báo cáo tài chính và phân tích, dự báo nguồn tài chính. Đôn đốc các khoản công nợ, các khoản phải thu, phải trả để đảm bảo và phát triển nguồn vốn.

Kế toán bán hàng: Thu thập, xử lý các chứng từ kế toán, các nghiệp vụ phát sinh, hạch toán chi phí, doanh thu,.. Theo dõi thường xuyên công nợ với khách hàng, với nhà cung cấp, xuất hóa đơn, lập báo cáo lượng hàng hóa mua vào bán ra.

2.1.5. Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty

Công ty sử dụng hình thức ghi sổ Nhật ký chung:



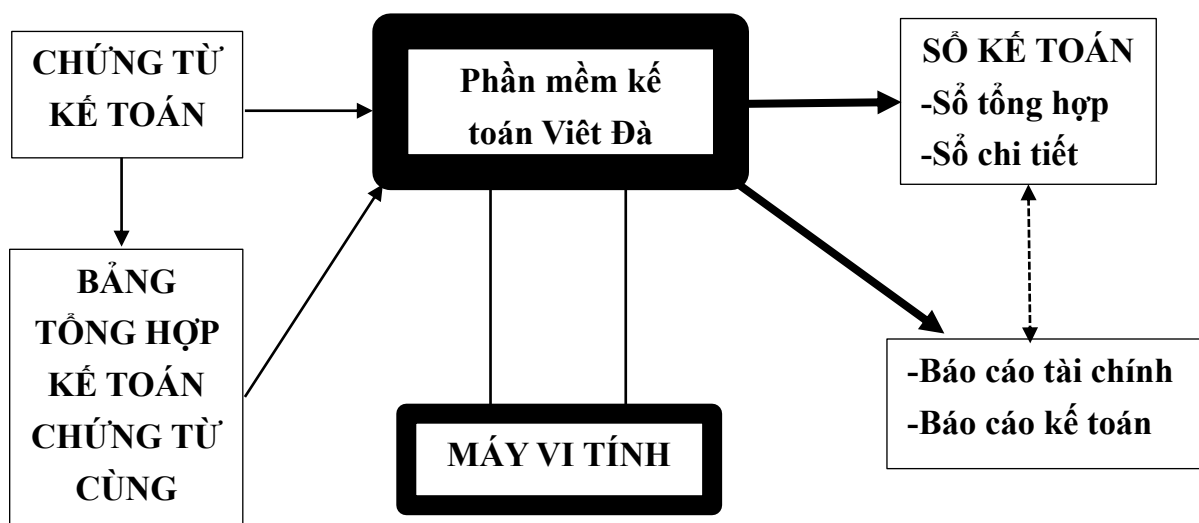
Ghi chú:

- + Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$
- + Ghi cuối kỳ: $\longrightarrow$
- + Đối chiếu, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hình thức ghi sổ kế toán Nhật ký chung tại Công ty

Để đáp ứng tốt cho việc cung cấp thông tin một cách chính xác và kịp thời, công ty đã sử dụng phần mềm kế toán Việt Đà trong công tác kế toán. Nhờ những tính năng ưu việt của phần mềm này: Giao diện thân thiện dễ sử dụng, ít xảy ra sai sót bất thường nên kế toán yên tâm hơn. Công việc của kế toán cũng được giảm nhẹ hơn rất nhiều so với hình thức kế toán thủ công.

Hình thức ghi sổ chung trên phần mềm Việt Đà được thể hiện như sau:



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày	
In sổ sách, báo cáo cuối quý, cuối năm	
Đối chiếu, kiểm tra	

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung trên máy tính

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, từ đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán đã phát sinh được ghi sổ Nhật ký chung. Trong kỳ đã sử dụng bao nhiêu tài khoản thì sẽ có bấy nhiêu Sổ cái tương ứng với các tài khoản đó.

Đồng thời căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết Trường hợp, công ty mở Sổ nhật ký đặc biệt thì hàng ngày căn cứ vào các chứng từ căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào Sổ nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ tổng hợp sổ Nhật ký đặc biệt lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ cái. Định kỳ, kế toán tiến hành cộng sổ, thẻ kế toán chi tiết để ghi vào Bảng tổng hợp chi tiết và cộng số liệu trên Sổ cái lập Bảng cân đối tài khoản.

Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết thì lập Báo cáo tài chính.

Cuối niên độ, kế toán tổng hợp lại và đóng thành quyển.

2.1.6. Chế độ, chính sách áp dụng tại Công ty

Chế độ kế toán: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành vào ngày 26 tháng 8 năm 2016.

Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ).

Phương pháp kê khai thuế GTGT là phương pháp khấu trừ.

Phương pháp tính giá xuất kho: Phương pháp nhập trước - xuất trước.

Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng.

Hệ thống sổ bao gồm: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, Sổ chi tiết.

Công ty sử dụng phần mềm Việt Đà.

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh

2.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập khác

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng

a. Đặc điểm

Doanh thu bán hàng là phần doanh thu, thu được từ việc cung ứng các loại dầu thủy lực Qtex, Petro, dầu bánh răng công nghiệp Petro ISO, dầu động cơ Carpo, mỡ bôi trơn LT, dầu chống sét Telox và dung môi,....

b. Chứng từ sử dụng, sổ sách sử dụng

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu (khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt)
- Giấy báo có của ngân hàng (khi khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản)

Sổ sách sử dụng

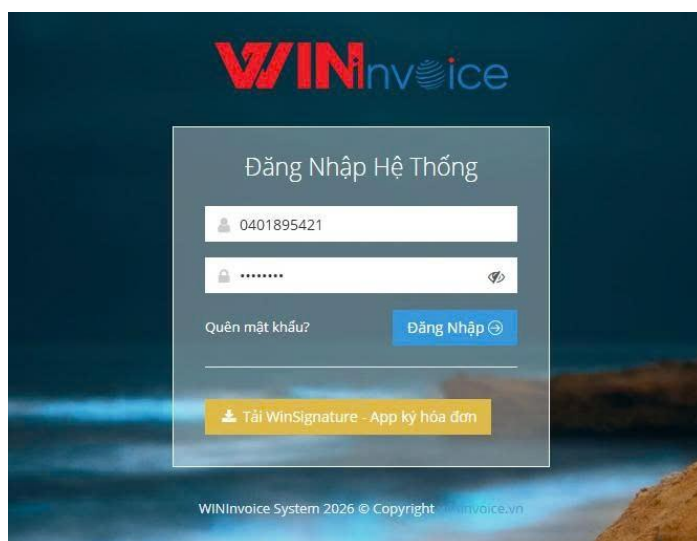
- Sổ cái TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Sổ chi tiết TK 511: Doanh thu bán hàng
- Sổ Nhật ký chung

c. Tài khoản sử dụng

TK 5111 “Doanh thu bán hàng”

d. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty

Kế toán sẽ tiếp nhận đơn đặt hàng của khách hàng. Sau khi chuyển giao hàng hóa cho khách hàng, kế toán lập hóa đơn GTGT bằng cách vào phần mềm hóa đơn điện tử Win-invoice để xuất hóa đơn GTGT và gửi hóa đơn GTGT qua mail/zalo... của khách hàng.



WININVOICE CÔNG TY TNHH MTV HÓA KEO TÂN AN THỊNH Hotline: 1900 2818 0401895421

Quản lý Hóa đơn

Tạo hóa đơn Nhập chuỗi tìm kiếm Trạng thái: - Tất cả - Số dòng/trang

Mẫu hóa đơn: 1C2STAT Ngày hóa đơn: 01/01/2025 đến 31/12/2025 XEM KẾT QUẢ

Số HĐ/ Ngày HĐ	K.Hiệu/ Mẫu số	OID / Phiếu bán	K.Hàng/ Công ty	Mail hóa đơn
00000096 29/10/2025	1C2STAT	HDAP2510/075331 Số phiếu: -/-	Trần Văn Lộc MST: 4000183872 Tổng tiền: 3,119,990 (VND) Mã tr.cứu: XHD89073JH Mã CCT: 0002A2A3AA9B9488F5144D660F041C	Đã gửi
00000095 21/10/2025	1C2STAT	HDAP2510/071928 Số phiếu: -/-	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT SỢI CHỈ RIO QUẢNG NAM MST: 4001013908 Tổng tiền: 10,999,800 (VND) Mã tr.cứu: B0DQ7EYLKX Mã CCT: 005FD3629426234CD58F36D1C0E941D94E	Đã gửi
00000094 21/10/2025	1C2STAT	HDAP2510/071919 Số phiếu: -/-	CÔNG TY TNHH RISE UP AUTO MST: 0402025290 Tổng tiền: 2,320,004 (VND) Mã tr.cứu: MINSV522J2 Mã CCT: 00AF9B6998B3E94591B70C81B1B9054731	Đã gửi
00000093	1C2STAT	HDAP2510/071912	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ CHIẾN TIẾN PHÁT MST: 0401270461 Tổng tiền: 2,300,000 (VND)	Đã gửi

Hỗ trợ sử dụng

Hình 2.1: Giao diện phần mềm xuất hóa đơn Wininvoice

Sau khi ký hóa đơn, Cơ quan thuế cấp mã số hóa đơn và số hóa đơn GTGT bán ra như hình ở bên dưới:

TAT PETRO **HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)** Ký hiệu (Serial): 1C2STAT Số (No.): 95

Ngày (Date) 21 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Đơn vị bán hàng (Issued): **CÔNG TY TNHH MTV HÓA KEO TÂN AN THỊNH**
Mã số thuế (Tax code): **0 4 0 1 8 9 5 4 2 1**
Địa chỉ (Address): **Lô 51, B1-54 Khu đô thị sinh thái Hòa Xuân, Phường Hoà Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**
Email: **anhtinh.atp@gmail.com**
Số tài khoản (A/C No.): **0041000334156 - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Đà Nẵng**

Họ tên người mua hàng (Customer's name):
Căn cước công dân (ID):
Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT SỢI CHỈ RIO QUẢNG NAM**
Mã số thuế (Tax code): **4001013908**
Mã số ĐVQHNS (Budget Code):
Địa chỉ (Address): **Lô A4.2, Cụm CN Tây An, Xã Duy Xuyên, TP Đà Nẵng, Việt Nam**
Hình thức thanh toán (Payment method): **Chuyển khoản**
Số tài khoản (A/C Bank):

STT (No.)	TÊN HÀNG HÓA DỊCH VỤ (Description)	ĐƠN VỊ TÍNH (Unit)	SỐ LƯỢNG (Quantity)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4x5)
1	Dầu Trục Chính - NP SPINDLE OIL VG10 - Xô 18L	Xô	7	1.455.000	10.185.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					10.185.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 814.800
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					10.999.800
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm đồng					

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)
Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Ký, ghi rõ họ tên)
Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH MTV HÓA KEO TÂN AN THỊNH**
Ký ngày 21 tháng 10 năm 2025

Trang (page) 1 / 1
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Mã của cơ quan thuế: **005FD3629426234CD58F36D1C0E941D94E**
(Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại <http://tracuu.evat.vn>, mã tra cứu: **B0DQ7EYLKX**, mã công ty: **0401895421**)
(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

Hình 2.2: Hóa đơn GTGT số 95

Căn cứ vào hóa đơn số 95 ,ký hiệu 1C25TAT, ngày 21/10/2025, kế toán đã lập trên web hóa đơn điện tử WinInvoice, kế toán đăng nhập vào phần mềm Việt Đà.

Đăng nhập chương trình (Login)

PHẦN MỀM VIỆT ĐÀ

VIETDA ACCOUNTING
Số phiên bản: 25.1210

VIỆT ĐÀ

Bản quyền Công ty TNHH Phần Mềm VIỆT ĐÀ

Trụ sở chính: 41 Trần Văn Ơn - P. An Khê - TP. Đà Nẵng - Việt Nam

CSKH: 0944 81 83 84 - 0837 81 83 84 - 0981 030 778 - 0981 028 469 - 0963 406 410 - 0919 26 74 25
Đà Nẵng: 0911 44 29 26 - Nghệ An: 0911 25 43 33 - Hà Nội: 0848 88 04 88 - HCM: 0911 10 14 15
Cần Thơ: 0905 45 44 69 - Tây Nguyên: 0339 244 999 - vietda.cskh@gmail.com - www.vietda.com.vn

Dữ liệu (Database)

Người dùng (UserName)

Mật khẩu (Password)

Hình 2.3: Giao diện đăng nhập vào phần mềm Việt Đà

Sau khi đăng nhập , kế toán công ty đã hạch toán nghiệp vụ này vào phần mềm. Trình tự nhập liệu: Vào “ Nhập xuất” sau đó chọn “Hóa đơn bán và phiếu xuất kho”. Kích chọn “Xuất bán hàng”→“Nhập liệu lên phần mềm”→ Lưu. Phần mềm sẽ tự động hiển thị như sau:

Nhập xuất
Thu chi
Công nợ
TSCĐ
Tổng hợp
Hệ thống
Tạo giúp
Language

File Ctrl+O
Edit Ctrl+M
Ctrl+S
Ctrl+N
Ctrl+W
Ctrl+T
Ctrl+N
F1

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Ngày 21/10/2025

Ngày 13/03/2025

Mã hàng	Tên hàng hóa - vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên hàng	TK No	TK Có	ƯCK	Tiền CK	Nợ CK	Có CK	ĐQ vốn	Tiền vốn	Nợ GV	Có GV	Giá trị đánh	Tiền VAT	Tổng tiền	Số Hóa đơn	Đơn hàng	Ghi chú
# 1	ĐTCVG10																					
#2	ĐTCVG10																					

Tổng chứng từ: 10.185.000

Tổng hóa đơn: 10.999.800

Thanh toán: 0

Còn nợ: 10.999.800

☐ In biên bản

☒ Xem trước khi in

Hình 2.4: Giao diện chứng từ bán hàng kèm phiếu xuất kho

Sau đó kế toán nhập dữ liệu ngày 21/10/2025 vào phần mềm đầy đủ và bấm lưu phần mềm sẽ tự động cập nhập lên Sổ cái tài TK 511, Sổ chi tiết TK 5111, Sổ Nhật ký chung.

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 511 (Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ)						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	XH1001/01	16/01	Xuất hàng - HĐ 1 (CÔNG TY TNHH MTV SEDO VINA KO)	131		2.000.000
2	XH1002/01	21/01	Xuất hàng - HĐ 2 (CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP HIỆP PHÁT)	131		15.454.400
...	...	...	...	...	...	...
104	XH1005/10	21/10	Xuất hàng - HĐ 95 (CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT SỢI CHỈ RIO QUẢNG NAM)	131		10.185.000
105	XH1006/10	29/10	Xuất hàng - HĐ 96 (Trần Văn Lộc)	131		2.888.880
...	...	...	...	...	...	...
130	XH1010/12	26/12	Xuất hàng - HĐ 119 (CÔNG TY TNHH MTV SEDO VINA KO)	131		25.960.000
131	XH1011/12	27/12	Xuất hàng - HĐ 120 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ CHIẾN TIẾN PHÁT)	131		1.944.444
132	XH1012/12	27/12	Xuất hàng - HĐ 121 (CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP HIỆP PHÁT)	131		1.388.889
133	XH1013/12	27/12	Xuất hàng - HĐ 122 (CÔNG TY TNHH MTV SEDO VINA KO)	131		21.200.000
134	XH1014/12	30/12	Xuất hàng - HĐ 123 (Nguyễn Thị Bích Đào)	131		4.003.000
135	XH1015/12	30/12	Xuất hàng - HĐ 124 (CTY TNHH SX VÀ TM PHÚ THỊNH)	131		6.296.296
136	XH1016/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 125 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VĂN KHOA)	131		3.194.460
137	XH1017/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 126 (Phan Hoàng Châu)	131		4.329.000
138	KC001/12	31/12	K.c doanh thu bán hàng hoá	911	167.394.010	
			Cộng phát sinh tháng 12		167.394.010	167.394.010
			Số dư cuối tháng 12			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 4		329.969.280	329.969.280
			Cộng lũy kế từ đầu năm		993.804.587	993.804.587
			Số dư cuối kỳ	x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người ghi sổ			Kế toán trưởng		Giám đốc	
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)	

Hình 2.5: Sổ cái TK511 (Trích sổ cái TK 511)

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng					(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 5111 (Doanh thu bán hàng hoá)								
Đơn vị tính : Đồng								
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	XH1001/01	16/01	Xuất hàng - HĐ 1 (CÔNG TY TNHH MTV SEDO VINAKO)	131		2.000.000		2.000.000
2	XH1002/01	21/01	Xuất hàng - HĐ 2 (CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP HIỆP PHÁT)	131		15.454.400		17.454.400
...	...	...	...	...	...	...	...	...
103	XH1005/10	21/10	Xuất hàng - HĐ 95 (CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT SỢI CHỈ RIO QUẢNG NAM)	131		10.185.000		29.055.374
104	XH1006/10	29/10	Xuất hàng - HĐ 96 (Trần Văn Lộc)	131		2.888.880		31.944.254
...	...	...	...	...	...	...	...	...
130	XH1011/12	27/12	Xuất hàng - HĐ 120 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ CHIẾN TIẾN PHÁT)	131		1.944.444		126.982.365
131	XH1012/12	27/12	Xuất hàng - HĐ 121 (CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP HIỆP PHÁT)	131		1.388.889		128.371.254
132	XH1013/12	27/12	Xuất hàng - HĐ 122 (CÔNG TY TNHH MTV SEDO VINAKO)	131		21.200.000		149.571.254
133	XH1014/12	30/12	Xuất hàng - HĐ 123 (Nguyễn Thị Bích Đào)	131		4.003.000		153.574.254
134	XH1015/12	30/12	Xuất hàng - HĐ 124 (CTY TNHH SX VÀ TM PHÚ THỊNH)	131		6.296.296		159.870.550
135	XH1016/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 125 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VĂN KHOA)	131		3.194.460		163.065.010
136	XH1017/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 126 (Phan Hoàng Châu)	131		4.329.000		167.394.010
137	KC001/12	31/12	K.c doanh thu bán hàng hoá	911	167.394.010			
Cộng phát sinh tháng 12					167.394.010	167.394.010		
Số dư cuối tháng 12								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					329.969.280	329.969.280		
Cộng lũy kế từ đầu năm					993.804.587	993.804.587		
Tổng cộng số phát sinh					993.804.587	993.804.587		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025					Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình 2.6: Sổ Chi tiết TK5111 (Trích sổ cái TK 5111)

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH				Mẫu số S03a-DNN		
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2025						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HĐ 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	6422	636.445	
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HĐ 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	1111		636.445
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HĐ 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	1331	63.645	
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HĐ 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	1111		63.645
...	...	...	...	...	...	...
525	XH1005/10	21/10/25	Xuất hàng - HĐ 95 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT SỢI CHỈ RIO QUẢNG NAM	131	10.185.000	
525	XH1005/10	21/10/25	Xuất hàng - HĐ 95 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT SỢI CHỈ RIO QUẢNG NAM	5111		10.185.000
525	XH1005/10	21/10/25	Thuế GTGT Xuất hàng - HĐ 95 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT SỢI CHỈ RIO QUẢNG NAM	131	814.800	
525	XH1005/10	21/10/25	Thuế GTGT Xuất hàng - HĐ 95 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT SỢI CHỈ RIO QUẢNG NAM	33311		814.800
525	XH1005/10	21/10/25	Xuất hàng - HĐ 95 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT SỢI CHỈ RIO QUẢNG NAM	632	5.658.154	
525	XH1005/10	21/10/25	Xuất hàng - HĐ 95 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT SỢI CHỈ RIO QUẢNG NAM	156		5.658.154
676	KC001/12	31/12/25	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111	167.394.010	
676	KC001/12	31/12/25	K.c doanh thu bán hàng hoá	911		167.394.010
...	...	...	...	...	...	...
681	KC006/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	911	17.842.768	
Tổng cộng số phát sinh					7.870.839.900	7.870.839.900
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người lập biểu				Kế toán trưởng		
(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình 2.7: Sổ Nhật ký chung

2.2.1.2. Kế doanh thu hoạt động tài chính

a. Đặc điểm

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là các khoản thu lãi từ ngân hàng.

b. Chứng từ, sổ sách sử dụng

Chứng từ sử dụng

- Sổ phụ ngân hàng
- Giấy báo có

Sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 515
- Sổ chi tiết TK 515
- Sổ Nhật ký chung

c. Tài khoản sử dụng

TK 515 “doanh thu hoạt động tài chính”

d. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty

Cuối tháng Công ty nhận được sổ phụ kiểm giấy báo Nợ/Có của ngân hàng về khoản lãi tiền gửi: Ngày 25/01/2025 Công ty nhận được lãi tiền gửi từ ngân hàng Vietcombank với số tiền lãi là 7.629 đồng.

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VN CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG Địa chỉ: Số 140-142, đường Lê Lợi, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. MST NH: 0100112437-003		GIẤY BÁO NỢ/CÓ (Không phải hóa đơn GTGT) Ngày (Date): 25/01/2025 (Liên 1: lưu, Liên 2: KH) Số Chứng Từ – Doc No: 250125.9701.7915012	
Người ra lệnh		Người hưởng	
Họ tên : DU CHI LAI TIEN GUI KKH		Họ tên : CT TNHH MTV HOA KEO TAN AN THINH	
Số TK : VND00402270102994		Số TK : 0041000334156	
Địa chỉ :		Địa chỉ :	
MST/Số CMT :		MST/Số CMT :	
Ngày cấp : Nơi cấp:		Ngày cấp : Nơi cấp:	
Tại ngân hàng : NH TMCP Ngoại thương Viet Nam – CN VCB DA NANG-TRU SO CN		Tại ngân hàng : NH TMCP Ngoại thương Viet Nam – CN VCB DA NANG-TRU SO CN	
Số tiền nợ : 7.629,00 Loại tiền: VND (bằng chữ) : Bảy ngàn sáu trăm hai mươi chín đồng		Số tiền có : 7.629,00 Loại tiền: VND (bằng chữ) : Bảy ngàn sáu trăm hai mươi chín đồng	
Số tiền phí : 0,00 Loại tiền:			
Thuế VAT : 0,00 Loại tiền:			
Tỷ giá : Nội dung : INTEREST PAYMENT			
Ngân hàng gửi : Ngân hàng nhận :			

Hình 2.8: Giấy báo Có lãi tiền gửi ngân hàng Vietcombank

Căn cứ vào các chứng từ ngân hàng giấy báo Có, sổ phụ ngân hàng đã được kiểm tra và đối soát đầy đủ, kế toán tiến hành nhập liệu và hạch toán các nghiệp vụ phát sinh vào phần mềm kế toán.

Vào “Nhập xuất” → Chọn “Thu chi” → Chọn “Phiếu thu tiền gửi (Giấy báo có)” → Xuất hiện chứng từ như hình ở dưới:

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất Thu chi Công nợ TSCĐ Tổng hợp Hệ thống Trợ giúp Language

Ctrl+D Ctrl+M Ctrl+S Ctrl+R Ctrl+W Ctrl+T Ctrl+N F1

Tên kiểm chứng từ TG005/01

Số CT TG005/01 Ngày 25/01/2025 Chứng từ gốc Cửa hàng

Đồ tương NHVCB "D Ngân hàng Vietcombank Lý do Lãi tiền gửi T1

Địa chỉ Loại tiền VND Tỷ giá 1.00

Ngân hàng Số TK Tỉnh/TP

Chọn Chứng từ hàng hóa, dịch vụ Hạch toán chênh lệch tỷ giá

Diễn giải	Số tiền	TK Nợ	TK Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đơn hàng	Ngày đến hạn	Lãi suất (%)	Kỳ tính lãi
Lãi tiền gửi T1	7.629	1121VCB	515								

Chưa thiết thu chi

Thuế GTGT

Ngày HĐ	Mẫu HĐ	Ký hiệu	Số HĐ	Loại hàng	Loại thuế	Tiền chưa VAT	Tiền thuế	TK Nợ	TK Có	Mã đối tượng	Đơn vị	Địa chỉ	MST/CC	Diễn giải
#1														

Tổng thành toán 7.629 Tổng hóa đơn 0

Activate Windows

Dữ liệu: \\192.168.1.3\dlketan\DLKETAN-HANH\T\B\TC\CUOI NAM\CTY TAN AN THINH\TAN AN THINH 2025.vda Người dùng: Admin

Hình 2.9: Giao diện hạch toán lãi tiền gửi trên phần mềm

Sau khi nhập liệu xong phần mềm sẽ tự động cập nhật vào Sổ Cái TK 515, Sổ chi tiết TK 515, Sổ Nhật ký chung.

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 515 (Doanh thu hoạt động tài chính)						
				Đơn vị tính : Đồng		
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
Số dư đầu kỳ				x		
1	TG005/01	25/01	Lãi tiền gửi T1 (Ngân hàng Vietcombank)	1121VCB		7.629
2	KC003/01	31/01	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	7.629	
Cộng phát sinh tháng 01					7.629	7.629
Số dư cuối tháng 01						
3	TG002/02	25/02	Lãi tiền gửi T2 (Ngân hàng Vietcombank)	1121VCB		5.361
4	KC002/02	28/02	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	5.361	
...	...	...	...	...	...	...
23	TG015/12	31/12	Lãi tiền gửi (Ngân hàng Vietcombank)	1121VCB		5.629
24	KC002/12	31/12	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	5.629	
Cộng phát sinh tháng 12					5.629	5.629
Số dư cuối tháng 12						
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					18.511	18.511
Cộng lũy kế từ đầu năm					84.357	84.357
Số dư cuối kỳ				x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ				Giám đốc		
(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên, đóng dấu)		
Kế toán trưởng						
(Ký, họ tên)						

Hình 2.10: Sổ Cái TK 515 (Trích sổ Cái TK 515)

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KDT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng					(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 515 (Doanh thu hoạt động tài chính)								
Đơn vị tính : Đồng								
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	TG005/01	25/01	Lãi tiền gửi T1 (Ngân hàng Vietcombank)	1121VCB		7.629		7.629
2	KC003/01	31/01	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	7.629			
Cộng phát sinh tháng 01					7.629	7.629		
Số dư cuối tháng 01								
3	TG002/02	25/02	Lãi tiền gửi T2 (Ngân hàng Vietcombank)	1121VCB		5.361		5.361
4	KC002/02	28/02	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	5.361			
...	...	...	...	...	...	...	...	...
23	TG015/12	31/12	Lãi tiền gửi (Ngân hàng Vietcombank)	1121VCB		5.629		5.629
24	KC002/12	31/12	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	5.629			
Cộng phát sinh tháng 12					5.629	5.629		
Số dư cuối tháng 12								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					18.511	18.511		
Cộng lũy kế từ đầu năm					84.357	84.357		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025					Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình 2.11: Sổ Chi tiết TK 515 (Trích sổ Chi tiết TK 515)

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH				Mẫu số S03a-DNN		
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2025						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HĐ 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	6422	636.445	
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HĐ 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	1111		636.445
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HĐ 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	1331	63.645	
...	...	...	...	...	...	...
32	TG005/01	25/01/25	Lãi tiền gửi T1 Ngân hàng Vietcombank	1121VCB	7.629	
32	TG005/01	25/01/25	Lãi tiền gửi T1 Ngân hàng Vietcombank	515		7.629
...	...	...	...	...	...	...
681	KC006/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	911	17.842.768	
681	KC006/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	4212		17.842.768
Tổng cộng số phát sinh					7.870.839.900	7.870.839.900
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người lập biểu		Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình 2.12: Sổ Nhật ký chung

2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác

a. Đặc điểm

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc khách hàng thanh toán dư so với giá trị hóa đơn gốc.

b. Chứng từ, sổ sách sử dụng

Chứng từ sử dụng

- Sao kê ngân hàng

Sổ sách sử dụng

- Sổ Cái TK 711

- Sổ chi tiết TK 711

- Sổ Nhật ký chung

c. Tài khoản sử dụng

TK 711 “ Thu nhập khác”

d. Kế toán thu nhập khác tại công ty

Trong hoạt động thu hồi công nợ qua ngân hàng tại Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh, thực tế thường phát sinh các khoản chênh lệch nhỏ do khách hàng có thói quen chuyển khoản dư. Điển hình như nghiệp vụ ngày 10/10/2025, khách hàng thanh toán 13.600.000 đồng, dư 1 đồng so với giá trị hóa đơn gốc là 13.599.999 đồng.

Đảm bảo sổ chi tiết công nợ được tắt toán dứt điểm, không bị treo số dư lẻ gây khó khăn cho việc kiểm tra cuối kỳ, kế toán tại đơn vị đã hạch toán phần chênh lệch này trên phần mềm như sau:

The screenshot shows the KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP (KTDN) software interface. The main window displays a transaction entry form for 'Khách hàng TT tiền hàng' (Customer TT cash payment) on 10/10/2025. The form includes fields for account numbers, amounts, and a table for transaction details. The table has columns for 'Diễn giải' (Description), 'Số tiền' (Amount), 'TK Nợ' (Debit Account), 'TK Có' (Credit Account), 'Mã KMP', 'Tên KMP', 'Vụ việc', 'Tên Vụ việc', 'Đơn hàng', 'Ngày đến hạn', 'Lãi suất (%)', and 'Ký tính lãi'. The transaction details table shows two entries: 1. Khách hàng TT tiền hàng (Customer TT cash payment) with an amount of 13.599.999, debited to TK 1121VCB and credited to TK 131. 2. Khách hàng TT tiền hàng (Customer TT cash payment) with an amount of 1, debited to TK 1121VCB and credited to TK 711. The bottom of the interface shows a summary table with columns for 'Ngày HĐ', 'Mẫu HĐ', 'Ký hiệu', 'Số HĐ', 'Loại hàng', 'Loại thuế', 'Tiền chưa VAT', 'Tiền thuế', 'TK Nợ', 'TK Có', 'Mã đối tượng', 'Đơn vị', 'Địa chỉ', 'MST/CC', and 'Diễn giải'. The summary table shows a total of 13.600.000 for the transaction. The bottom status bar shows the file path 'D:\liet\192.168.1.3\dlketan\DLKETAN-HANH 1\BCTC CUOI NAM\CTY TAN AN THINH\TAN AN THINH 2025.vda' and the user 'Admin'.

Hình 2.13: Giao diện hạch toán thu nhập khác trên phần mềm

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân,TP. Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 711 (Thu nhập khác)						
				Đơn vị tính : Đồng		
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	TG001/01	13/01	Khách hàng TT tiền hàng (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VĂN KHOA)	1121VCB		119
2	KC004/01	31/01	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	911	119	
			Cộng phát sinh tháng 01		119	119
			Số dư cuối tháng 01			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 1		119	119
3	TG005/10	10/10	Khách hàng TT tiền hàng (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT TỐI ƯU)	1121VCB		1
4	KC003/10	31/10	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	911	1	
			Cộng phát sinh tháng 10		1	1
			Số dư cuối tháng 10			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 4		1	1
			Cộng lũy kế từ đầu năm		120	120
			Số dư cuối kỳ	x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ			Kế toán trưởng	Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình 2.14: Sổ Cái TK 711 (Trích sổ Cái TK 711)

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH				Mẫu số S19-DNN				
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KDT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân,TP. Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)				
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 711 (Thu nhập khác)								
Đơn vị tính : Đồng								
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	TG001/01	13/01	Khách hàng TT tiền hàng (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VĂN KHOA)	1121VCB		119		119
2	KC004/01	31/01	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	911	119			
Cộng phát sinh tháng 01					119	119		
Số dư cuối tháng 01								
Cộng lũy kế từ đầu quý 1					119	119		
3	TG005/10	10/10	Khách hàng TT tiền hàng (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT TỐI ƯU)	1121VCB		1		1
4	KC003/10	31/10	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	911	1			
Cộng phát sinh tháng 10					1	1		
Số dư cuối tháng 10								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					1	1		
Cộng lũy kế từ đầu năm					120	120		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Người ghi sổ				Giám đốc				
(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên, đóng dấu)				

Hình 2.15: Sổ Chi tiết TK 711 (Trích sổ Chi tiết TK 711)

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH				Mẫu số S03a-DNN		
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân,TP. Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2025						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HD 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	6422	636.445	
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HD 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	1111		636.445
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HD 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	1331	63.645	
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HD 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	1111		63.645
...	...	...	...	...	...	...
513	TG005/10	10/10/25	Khách hàng TT tiền hàng CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT TÔI ƯU	1121VCB	1	
513	TG005/10	10/10/25	Khách hàng TT tiền hàng CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT TÔI ƯU	711		1
...	...	...	...	...	...	...
681	KC006/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	911	17.842.768	
681	KC006/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	4212		17.842.768
Tổng cộng số phát sinh					7.870.839.900	7.870.839.900
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người lập biểu				Kế toán trưởng		
(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên, đóng dấu)		
				Giám đốc		
				(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình 2.16: Sổ Nhật ký chung

2.2.2. Kế toán chi phí

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

a. Đặc điểm

Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh xác định giá vốn hàng bán theo phương pháp nhập trước - xuất trước.

b. Tài khoản sử dụng

TK 632 “Giá vốn hàng bán”

c. Chứng từ, sổ sách sử dụng

Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác liên quan

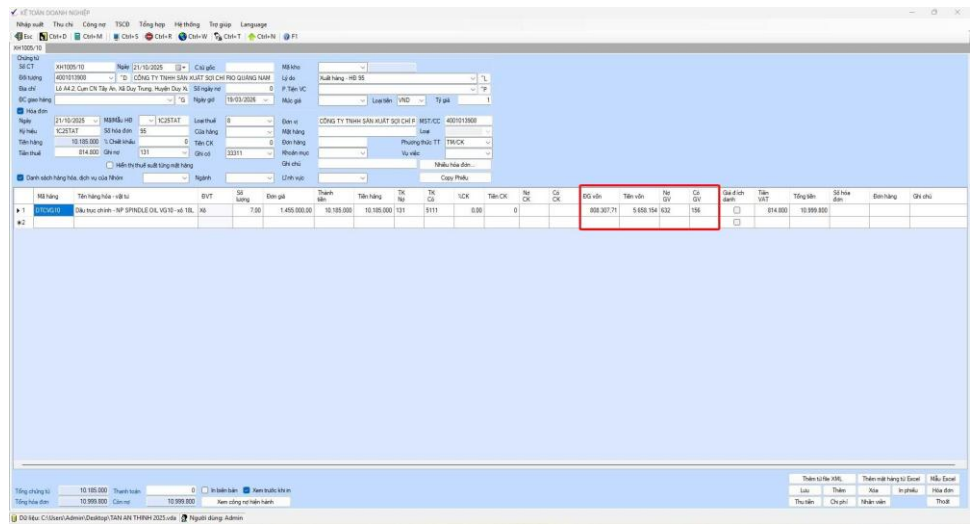
Sổ sách sử dụng

- Sổ Cái TK 632
- Sổ Chi tiết TK 632
- Sổ Nhật ký chung

d. Kế toán giá vốn tại Công ty

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 95, ký hiệu 1C25TAT ngày 21/10/2025 đã trình bày ở phần kế toán doanh thu bán hàng, kế toán lập phiếu xuất kho trên phần mềm để ghi nhận giá vốn hàng bán.

Vào “Nhập xuất”→Chọn “Hóa đơn bán hàng và phiếu xuất kho”→Tìm hóa đơn số 95→ Xuất hiện chứng từ như hình ở dưới:



Hình 2.17: Chứng từ bán hàng có giá vốn trên phần mềm

Chọn “In phiếu” → Sẽ có phiếu xuất kho như hình ở dưới:

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH

Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng

Mẫu số 02-VT

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 21 tháng 10 năm 2025

Số : XH1005/10
Nợ : 632
Có : 156

Họ, tên người nhận hàng : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT SỢI CHỈ RIO QUẢNG NAM

Địa chỉ : Lô A4.2, Cụm CN Tây An, Xã Duy Trung, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Lý do : Xuất hàng - HD 95

Kho xuất : _____ Địa điểm: _____

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Dầu trục chính - NP SPINDLE OIL VG10 - xô 18L	Xô	7,00	808.307,71	5.658.154
Tổng cộng			-	-	5.658.154

Số tiền phải thanh toán : Năm triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, một trăm năm mươi bốn đồng y.
(Viết bằng chữ)

Số chứng từ gốc kèm theo : _____

Ngày 21 tháng 10 năm 2025

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

THÁI T. MỸ HẠNH

HÒ THANH TÚ

Hình 2.18: Phiếu xuất kho cho hóa đơn số 95

Sau khi nhập liệu xong thì phần mềm sẽ tự động cập nhật vào Sổ Cái TK 632, Sổ chi tiết TK 632, Sổ Nhật ký chung.

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 632 (Giá vốn hàng bán)						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	XH1001/01	16/01	Xuất hàng - HĐ 1 (CÔNG TY TNHH MTV SEDO VINAKO)	156	970.120	
2	XH1002/01	21/01	Xuất hàng - HĐ 2 (CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP HIỆP PHÁT)	156	12.400.000	
...	...	...	...	...	...	...
101	XH1005/10	21/10	Xuất hàng - HĐ 95 (CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT SỢI CHỈ RIO QUẢNG NAM)	156	5.658.154	
102	XH1006/10	29/10	Xuất hàng - HĐ 96 (Trần Văn Lộc)	156	1.759.514	
103	KC004/10	31/10	K.c giá vốn hàng bán	911		18.096.092
			Cộng phát sinh tháng 10		18.096.092	18.096.092
			Số dư cuối tháng 10			
104	XH1001/11	04/11	Xuất hàng - HĐ 97 (CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG PHAN NGOC ANH)	156	6.267.769	
105	XH1002/11	04/11	Xuất hàng - HĐ 98 (CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & LẮP MÁY ĐẠI HÂN)	156	1.388.282	
106	XH1003/11	04/11	Xuất hàng - HĐ 99 (CÔNG TY TNHH MTV SEDO VINAKO)	156	17.018.426	
...	...	...	...	...	...	...
135	KC003/12	31/12	K.c giá vốn hàng bán	911		124.963.676
			Cộng phát sinh tháng 12		124.963.676	124.963.676
			Số dư cuối tháng 12			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 4		233.416.535	233.416.535
			Cộng lũy kế từ đầu năm		713.299.865	713.299.865
			Số dư cuối kỳ	x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình 2.19: Sổ cái TK 632 (trích sổ cái TK632)

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÀ KEO TÂN AN THỊNH					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng					(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 632 (Giá vốn hàng bán)								
Đơn vị tính : Đồng								
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	XH1001/01	16/01	Xuất hàng - HĐ 1 (CÔNG TY TNHH MTV SEDO VINAKO)	156	970.120		970.120	
2	XH1002/01	21/01	Xuất hàng - HĐ 2 (CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP HIỆP PHÁT)	156	12.400.000		13.370.120	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
101	XH1005/10	21/10	Xuất hàng - HĐ 95 (CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT SỢI CHỈ RIO QUẢNG NAM)	156	5.658.154		16.336.578	
102	XH1006/10	29/10	Xuất hàng - HĐ 96 (Trần Văn Lộc)	156	1.759.514		18.096.092	
103	KC004/10	31/10	K.c giá vốn hàng bán	911		18.096.092		
Cộng phát sinh tháng 10					18.096.092	18.096.092		
Số dư cuối tháng 10								
104	XH1001/11	04/11	Xuất hàng - HĐ 97 (CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG PHAN NGOC ANH)	156	6.267.769		6.267.769	
105	XH1002/11	04/11	Xuất hàng - HĐ 98 (CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & LẮP MÁY ĐẠI HẸN)	156	1.388.282		7.656.051	
106	XH1003/11	04/11	Xuất hàng - HĐ 99 (CÔNG TY TNHH MTV SEDO VINAKO)	156	17.018.426		24.674.477	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
135	KC003/12	31/12	K.c giá vốn hàng bán	911		124.963.676		
Cộng phát sinh tháng 12					124.963.676	124.963.676		
Số dư cuối tháng 12								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					233.416.535	233.416.535		
Cộng lũy kế từ đầu năm					713.299.865	713.299.865		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025					Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình 2.20: Sổ chi tiết TK 632 (trích sổ chi tiết TK 632)

Trích sổ “Nhật ký chung” đã trình bày ở phần kế toán doanh thu bán hàng.

2.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a. Đặc điểm

Chi phí quản lý kinh doanh tại công ty bao gồm: Chi phí tiền lương, chi phí phân bổ CCDC, khấu hao TSCĐ, chi phí xăng dầu, chi phí sửa chữa xe.

b. Tài khoản sử dụng

TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”

+ TK 6421: Chi phí bán hàng

+ TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tuy nhiên, công ty thực hiện hạch toán tập trung vào TK 6422

c. Chứng từ, sổ sách sử dụng

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT

- Chứng từ giao dịch, Ủy nhiệm chi

- 42

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất Thu chi Công nợ TSCĐ Tổng hợp Hệ thống Trợ giúp Language

Esc Ctrl+D Ctrl+M Ctrl+S Ctrl+R Ctrl+W Ctrl+T Ctrl+N F1

TH003/12

Số CT: TH003/12 Ngày: 31/12/2025 CT gốc: CT gốc: Cũ hàng: Cũ hàng: Lý do: Tính lương T12 Tỷ giá: VND Tỷ giá: 1

Đã xử lý: TAT Đã xử lý: D CTY TAN AN THINH Loại tiền: VND Tỷ giá: 1

Chi tiết phát sinh

Đến giá	Số tiền	TK No	Khách No	TK Có	Khách Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đơn hàng
#1	Tính lương T12	6.000.000	6422	334						
2	Tính lương T12	300.000	334	3335						
3	Tính lương T12	3.000.000	6422	334						
#4										

Thuế GTGT

Ngày HĐ	Mẫu HĐ	Ký hiệu	Số HĐ	Loại hàng	Loại thuế	Thuế suất	Tiền chưa VAT	Tiền thuế	TK No	TK Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đến giá
#1															

Tổng hạch toán: 9.300.000 Tổng hóa đơn: 0

Đường dẫn: C:\Users\TAM NINH\VIET\Desktop\TAN AN THINH 2025.vda Người dùng: Admin

Hình 2.23: Hạch toán lương trên phần mềm

+ Phân bổ CCDC:

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH

Địa chỉ: Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân, P. Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng

Mẫu số S09-DNN

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỐ THEO DÕI CÔNG CỤ - DỤNG CỤ

Tháng 5 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng

ST T	Ghi tăng TSCĐ, CCDC									Khấu hao, phân bổ			Giá trị còn lại	Ghi giảm TSCĐ, CCDC		
	Chứng từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ, CCDC	Nước sản xuất	Ngày tháng sử dụng	Kỳ phân bổ cuối	Số kỳ phân bổ	Số hiệu TSCĐ, CCDC	Nguyên giá TSCĐ, CCDC	Trong kỳ		Giá trị hao mòn lũy kế		Chứng từ	Lý do	
	Số hiệu	Ngày, tháng								% khấu hao	Mức khấu hao					
A	B	C	D	E	G	H	I	K	L	2	3	4	5	L	M	N
1	00000597	05/05/25	Chữ ký số 4 năm		05/05/25	04/29	48	CKS	3.000.000	1,82	54.587	54.587	2.945.413			
			Tổng cộng	x	x	x	x	x	3.000.000	1,01	54.587	54.587	2.945.413	x	x	x

Ngày mở sổ: 01/05/2025

Người lập phiếu: (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng: (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 5 năm 2025

Giám đốc: (Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.24: Sổ theo dõi CCDC tháng 5

+ Khấu hao tài TSCĐ:

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH

Địa chỉ: Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân, P. Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng

Mẫu số S09-DNN

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tháng 5 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng

ST T	Ghi tăng TSCĐ, CCDC									Khấu hao, phân bổ			Giá trị còn lại	Ghi giảm TSCĐ, CCDC		
	Chứng từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ, CCDC	Nước sản xuất	Ngày tháng sử dụng	Kỳ phân bổ cuối	Số kỳ phân bổ	Số hiệu TSCĐ, CCDC	Nguyên giá TSCĐ, CCDC	Trong kỳ		Giá trị hao mòn lũy kế		Chứng từ	Lý do	
	Số hiệu	Ngày, tháng								% khấu hao	Mức khấu hao					
A	B	C	D	E	G	H	I	K	L	2	3	4	5	L	M	N
1	6861	23/05/23	Xe oto 7 chỗ ngồi Toyota Avanza Premio W101LE-LBMEFVV		01/06/23	05/28	60	XEOTO	596.920.000	1,67	9.948.666	238.768.006	358.151.994			
			Tổng cộng	x	x	x	x	x	596.920.000	1,23	9.948.666	238.768.006	358.151.994	x	x	x

Ngày mở sổ: 01/05/2025

Người lập phiếu: (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng: (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 5 năm 2025

Giám đốc: (Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.25: Sổ theo dõi TSCĐ tháng 5

+ Chi phí xăng dầu:

Ngày 14/11/2025, Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh chi tiền mua xăng RON theo hóa đơn số 905872. Tổng tiền thanh toán chưa thuế là 277.778 đồng, thuế GTGT 8% là 22.222 đồng. Tổng giá trị thanh toán là 300.000 đồng, công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG **HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG** *Ký hiệu: 1K25TTC*
(Chứng từ giấy của hóa đơn điện tử) **Số: 905872**
Ngày 14 tháng 11 năm 2025 08:13 Mã số thuế: 0400101683

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG
Địa chỉ: 122 đường 2 tháng 9, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Cửa hàng số: PETROLIMEX-Cửa hàng 33
Người mua hàng:
Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH Một Thành Viên Hóa Keo Tân An Thịnh
Địa chỉ: Lô 51,B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân, P. Hòa Xuân, TP Đà Nẵng, Việt Nam
Hình thức thanh toán: TM/CK
Biển số xe: 43C-185.43
Mã số thuế: 0401895421
Mã QHNS:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xăng RON 95 Mức 5	Lít	14,252	19.490,74	277.778
Cộng tiền hàng:					277.778
Tiền thuế GTGT (8%)					22.222
Tiền phí khác:					
Tổng số tiền thanh toán:					300.000

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)
Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)
Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG
Ký ngày: 14/11/2025

Mã tra cứu: F5LNKTIDE* Website tra cứu: <https://hoadon.petrokimex.com.vn>

Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone)
MST: 0106869738 - Tel: 18001260

Hình 2.26: Hóa đơn GTGT xăng số 905872

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 905872 từ Công ty TNHH MTV Petrolimex Đà Nẵng, kế toán thực hiện ghi nhận chi phí xăng dầu trên phần mềm kế toán như sau:

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất Thu chi Công nợ TSCĐ Tổng hợp Hệ thống Trợ giúp Language

Esc Ctrl+D Ctrl+M Ctrl+S Ctrl+R Ctrl+W Ctrl+T Ctrl+N F1

Tìm kiếm chứng từ CM010/11

Số CT CM010/11 Ngày 14/11/2025 Chứng từ gốc Cửa hàng TT xăng - HB 905872
Đời hàng 1683 Lý do CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V - TNHH MTV (CÔNG TY TNHH)
Địa chỉ 122 đường 2/9, P Bình Thuận Q Hải Châu, TP Đà Nẵng Loại tiền VND Tỷ giá 1.00

Chi tiết thu chi

Chọn Chứng từ hàng hóa, dịch vụ	Hạch toán chính sách tỷ giá	Diễn giải	Số tiền	TK Nợ	TK Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đơn hàng	Ngày đến hạn	Là xuất(?)	Ký lĩnh lại
#1	TT xăng - HB 905872	277.778	6422	1111									
#2													

Thuế GTGT

Ngày HĐ	Mẫu HĐ	Ký hiệu	Số HĐ	Loại hàng	Loại thuế	Tiền chưa VAT	Tiền thuế	TK Nợ	TK Có	Mã số lượng	Đơn vị	Địa chỉ	MST/CC	Diễn giải
14/11/2025	1K25TTC	1K25TTC	905872	TH	8	277.778	22.222	1331	1111	1683	CÔNG TY XĂNG DẦU KHU...	122 đường 2/9, P Bình Thu...	0400101683	TT xăng - HB 905872
#2														

Tổng thanh toán 300.000 Tổng hóa đơn 300.000

Dữ liệu: \\192.168.1.3\diketoan\DLKETOAN-HANH TUBCT\CUOI NAM\CTY TAN AN THINH\TAN AN THINH 2025.vda Người dùng: Admin

Hình 2.27: Giao diện hạch toán chi phí xăng trên phần mềm

+ Chi phí sửa xe:

Ngày 14/11/2025, Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh chi tiền thay
lốp xe theo hóa đơn số 00000733. Tổng tiền thanh toán chưa thuế là 2.592.593 đồng,
thuế GTGT là 8%. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

HIỆN HÙNG CƯỜNG

Chuyên bán lẻ & đại lý ở Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 14 tháng 11 năm 2025

Mã CCT: 00C9DC9466CFD74EE4BF855F57CF00D009

Ký hiệu: IC25THH
Số: 00000733

CÔNG TY TNHH HIỆN HÙNG CƯỜNG

Mã số thuế: 0401674655

Địa chỉ: 176 Huỳnh Ngọc Huệ, Phường An Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0914190577Website: https://hienhungcuong.com

Số tài khoản: 117002643820 - Tại ngân hàng Công Thương Ngũ Hành Sơn - TP Đà Nẵng

0041000221580 - Tại Ngân hàng Vietcombank - TP Đà Nẵng

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH MTV HÓA KEO TÂN AN THỊNH

Mã số thuế: 0401895421

MSĐVCQHVNS:

Địa chỉ: Lô 51, B1-54 Khu đô thị sinh thái Hòa Xuân, Phường Hòa Xuân, TP Đà Nẵng, Việt Nam.

Căn cước công dân:

Hình thức thanh toán: TM/CK

Số hộ chiếu:

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Tiền thuế GTGT
1	LÓP 19S/60R16	CÁI	2	1.296.296,29	2.592.593	8%	207.407
Tổng hợp							
		Thành tiền trước thuế GTGT			Tiền thuế GTGT		Cộng tiền thanh toán
Thuế suất 0%:							
Thuế suất 5%:							
Thuế suất 8%:		2.592.593			207.407		2.800.000
Thuế suất 10%:							
TỔNG cộng:		2.592.593			207.407		2.800.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng
(Chỉ ký số nếu có)

Người bán hàng
(Chỉ ký điện tử, Chỉ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH HIỆN HÙNG CƯỜNG

Ký ngày: 14/11/2025

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tracuu - Mã tra cứu: 4RH1H3JXG5VA

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Hình 2.28: Hóa đơn sửa xe số 00000733

Căn cứ vào hóa đơn số 00000733 ký hiệu 1C25THH từ Công ty TNHH Hiền Hùng Cường, kế toán thực hiện ghi nhận chi phí sửa xe trên phần mềm như sau:

The screenshot shows a software window titled "KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP". It contains a form for entering a bill (Hóa đơn). The form has several tabs: "Nhập xuất", "Thu chi", "Công nợ", "TSCĐ", "Tổng hợp", "Hệ thống", "Trợ giúp", and "Language". The "Thu chi" tab is active. The form includes fields for "Số CT" (CM009/11), "Ngày" (14/11/2025), "Chứng từ gốc", "Của hàng", "Mã hàng", "Loại thuế", "Đơn vị", "Địa chỉ", "Tên liên chứng từ", "CM009/11", "Số tiền", "TK Nợ", "TK Có", "Mã KMP", "Tên KMP", "Vụ việc", "Tên Vụ việc", "Đơn hàng", "Ngày đến hạn", "Lãi suất (%)", and "Ký tính lãi". Below the form is a table with columns: "STT", "Số hiệu", "Ngày tháng", "Diễn giải", "TK ĐƯ", "Số tiền", "Nợ", and "Có". The table contains several rows of data, including a row for "TT Sửa chữa xe - HD 733" with a value of 2.592.593. At the bottom, there is a summary section with "Tổng thanh toán" and "Tổng hóa đơn" both showing 2.800.000.

Hình 2.29: Giao diện hạch toán chi phí sửa xe trên phần mềm

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 642 (Chi phí quản lý kinh doanh)						
				Đơn vị tính : Đồng		
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
Số dư đầu kỳ				x		
1	CM001/01	01/01	TT xăng - HD 710 (CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM)	1111	636.445	
2	CM012/01	02/01	TT Sửa chữa xe - HD 1 (CÔNG TY TNHH RISE UP AUTO)	1111	1.830.000	
..	...	...	...	...	...	...
105	KH0020525	31/05	Khấu hao XEOTO tháng 05/2025. (XEOTO)	2141	9.948.666	
106	PB0010525	31/05	Phân bổ CKS tháng 05/2025. (CKS)	2422	54.587	
..	...	...	...	...	...	...
227	CM008/11	11/11	TT xăng - HD 30073 (CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PV OIL MIỀN TRUNG TẠI ĐÀ NẴNG)	1111	972.222	
228	CM009/11	14/11	TT Sửa chữa xe - HD 733 (CÔNG TY TNHH HIỀN HÙNG CƯỜNG)	1111	2.592.593	
229	CM010/11	14/11	TT xăng - HD 905872 (CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V- TNHH MTV (CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG))	1111	277.778	
...	...	...	...	...	...	...
257	TH003/12	31/12	Tính lương T12 (CTY TÂN AN THỊNH)	334	9.000.000	
260	KC004/12	31/12	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		23.902.895
Cộng phát sinh tháng 12					23.902.895	23.902.895
Số dư cuối tháng 12						
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					88.680.914	88.680.914
Cộng lũy kế từ đầu năm					359.100.871	359.100.871
Số dư cuối kỳ				x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ				Kế toán trưởng		
(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên)		
				Giám đốc		
				(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình 2.30: Sổ Cái TK 642 (Trích sổ Cái TK 642)

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng					(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 6422 (Chi phí quản lý doanh nghiệp)								
Đơn vị tính : Đồng								
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	CM001/01	01/01	TT xăng - HĐ 710 (CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM)	1111	636.445		636.445	
2	CM012/01	02/01	TT Sửa chữa xe - HĐ 1 (CÔNG TY TNHH RISE UP AUTO)	1111	1.830.000		2.466.445	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
105	KH0020525	31/05	Khấu hao XEOTO tháng 05/2025. (XEOTO)	2141	9.948.666		35.207.168	
106	PB0010525	31/05	Phân bổ CKS tháng 05/2025. (CKS)	2422	54.587		35.261.755	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
228	CM009/11	14/11	TT Sửa chữa xe - HĐ 733 (CÔNG TY TNHH HIỀN HÙNG CUỜNG)	1111	2.592.593		9.238.445	
229	CM010/11	14/11	TT xăng - HĐ 905872 (CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V- TNHH MTV (CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG))	1111	277.778		9.516.223	
257	TH003/12	31/12	Tính lương T12 (CTY TÂN AN THỊNH)	334	9.000.000		13.890.376	
260	KC004/12	31/12	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		23.902.895		
Cộng phát sinh tháng 12					23.902.895	23.902.895		
Số dư cuối tháng 12								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					88.680.914	88.680.914		
Cộng lũy kế từ đầu năm					359.100.871	359.100.871		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025					Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình 2.31: Sổ Chi tiết TK 6422 (Trích sổ Chi tiết TK 6422)

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH				Mẫu số S03a-DNN		
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2025						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HD 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	6422	636.445	
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HD 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	1111		636.445
256	PB0010525	31/05/25	Phân bổ CKS tháng 05/2025.	6422	54.587	
256	PB0010525	31/05/25	Phân bổ CKS tháng 05/2025.	2422		54.587
257	KH0020525	31/05/25	Khấu hao XEOTO tháng 05/2025.	6422	9.948.666	
257	KH0020525	31/05/25	Khấu hao XEOTO tháng 05/2025.	2141		9.948.666
566	CM009/11	14/11/25	TT Sửa chữa xe - HD 733 CÔNG TY TNHH HIỀN HÙNG CƯỜNG	6422	2.592.593	
566	CM009/11	14/11/25	TT Sửa chữa xe - HD 733 CÔNG TY TNHH HIỀN HÙNG CƯỜNG	1111		2.592.593
566	CM009/11	14/11/25	TT Sửa chữa xe - HD 733 CÔNG TY TNHH HIỀN HÙNG CƯỜNG	1331	207.407	
566	CM009/11	14/11/25	TT Sửa chữa xe - HD 733 CÔNG TY TNHH HIỀN HÙNG CƯỜNG	1111		207.407
567	CM010/11	14/11/25	TT xăng - HD 905872 CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V - TNHH MTV (CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG)	6422	277.778	
567	CM010/11	14/11/25	TT xăng - HD 905872 CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V - TNHH MTV (CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG)	1111		277.778
567	CM010/11	14/11/25	TT xăng - HD 905872 CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V - TNHH MTV (CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG)	1331	22.222	
567	CM010/11	14/11/25	TT xăng - HD 905872 CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V - TNHH MTV (CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG)	1111		22.222
664	TH003/12	31/12/25	Tính lương T12 CTY TÂN AN THỊNH	6422	6.000.000	
664	TH003/12	31/12/25	Tính lương T12 CTY TÂN AN THỊNH	334		6.000.000
664	TH003/12	31/12/25	Tính lương T12 CTY TÂN AN THỊNH	6422	3.000.000	
664	TH003/12	31/12/25	Tính lương T12 CTY TÂN AN THỊNH	334		3.000.000
675	TH003/12	31/12/25	Tính lương T12 CTY TÂN AN THỊNH	334	300.000	
675	TH003/12	31/12/25	Tính lương T12 CTY TÂN AN THỊNH	3335		300.000
679	KC004/12	31/12/25	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	23.902.895	
679	KC004/12	31/12/25	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		23.902.895
680	KC005/12	31/12/25	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	911	690.300	
680	KC005/12	31/12/25	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	811		690.300
681	KC006/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	911	17.842.768	
681	KC006/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	4212		17.842.768
Tổng cộng số phát sinh					7.870.839.900	7.870.839.900
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người lập biểu				Giám đốc		
(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình 2.32: Sổ Nhật ký chung

2.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính

a. Đặc điểm

Trong năm 2025, doanh nghiệp chỉ phát sinh khoản chi phí liên quan đến vốn vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank).

b. Tài khoản sử dụng

TK 635 “Chi phí tài chính”

c. Chứng từ, sổ sách sử dụng

Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Nợ

- Phiếu chi

Sổ sách sử dụng

- Sổ Cái TK 635

- Sổ Chi tiết TK 635

- Sổ Nhật ký chung

d. Kế toán chi phí tài chính tại Công ty

Nghiệp vụ tất toán khoản vay vào ngày 15/01/2025 với tổng giá trị 244.716.937 đồng. Trong đó khoản tiền vay có giá trị là 239.230.000 đồng cùng với chi phí lãi vay là 1.985.937 đồng.

Interest computation		Simple Interest
Principal amount	239,230,000.00	
+ Interest due	1,985,937.00	
+ Late charge - include prin		.00
+ Penalty interest due		.00
+ Fees 1/2 or levies due		.00
+ Fee 3 due		.00
+ Charge-off amount		.00
+ Unpaid insurance		.00
+ Escrow balance		.00
+ Total of rebates		.00
+ Penalty amount	3,501,000.00	
+ Payoff fee amount		.00
+ Late charge - uncoll int		.00
Net payoff	244,716,937.00	

F3=Exit F12=Cancel F16=Print quote F22=Enquiry call

Hình 2.33: Chứng từ giao dịch thanh toán nợ vay tại ngân hàng Vietcombank

Căn cứ vào chứng từ giao dịch này, kế toán tiến hành hạch toán chi tiết các khoản mục nợ gốc, lãi vay và phí phạt thanh toán trước hạn lên phần mềm kế toán để đảm bảo tính kịp thời và chính xác của số liệu.

The screenshot shows the 'KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP' (Business Accounting) software. The main window displays a transaction entry form for a loan at Vietcombank. The transaction details include: Date 15/01/2025, Amount 1.985.937 VND, and Account 1121VCB. The interface also displays a list of transactions and a summary table at the bottom.

Hình 2.34: Giao diện hạch toán thanh toán nợ vay tại ngân hàng Vietcombank

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân,TP. Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 635 (Chi phí tài chính)						
				Đơn vị tính : Đồng		
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	CG001/01	15/01	TT khoản vay (Ngân hàng Vietcombank)	1121VCB	1.985.937	
2	KC006/01	31/01	Kc Chi phí tài chính	911		1.985.937
			Cộng phát sinh tháng 01		1.985.937	1.985.937
			Cộng lũy kế từ đầu quý 1		1.985.937	1.985.937
			Cộng lũy kế từ đầu năm		1.985.937	1.985.937
			Số dư cuối kỳ	x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ			Kế toán trưởng		Giám đốc	
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)	

Hình 2.35: Sổ Cái TK 635 (Trích sổ Cái TK 635)

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân,TP. Đà Nẵng					(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 635 (Chi phí tài chính)								
Đơn vị tính : Đồng								
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	CG001/01	15/01	TT khoản vay (Ngân hàng Vietcombank)	1121VCB	1.985.937		1.985.937	
2	KC006/01	31/01	Kc Chi phí tài chính	911		1.985.937		
Cộng phát sinh tháng 01					1.985.937	1.985.937		
Cộng lũy kế từ đầu quý 1					1.985.937	1.985.937		
Cộng lũy kế từ đầu năm					1.985.937	1.985.937		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025					Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình 2.36: Sổ Chi tiết TK 635 (Trích sổ Chi tiết TK 635)

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH				Mẫu số S03a-DNN		
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân,TP. Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2025						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HĐ 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	6422	636.445	
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HĐ 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	1111		636.445
...	...	...	...	...	...	...
11	CG001/01	15/01/25	TT khoản vay Ngân hàng Vietcombank	34111VC	239.230.000	
11	CG001/01	15/01/25	TT khoản vay Ngân hàng Vietcombank	1121VCB		239.230.000
11	CG001/01	15/01/25	TT khoản vay Ngân hàng Vietcombank	635	1.985.937	
11	CG001/01	15/01/25	TT khoản vay Ngân hàng Vietcombank	1121VCB		1.985.937
11	CG001/01	15/01/25	TT khoản vay Ngân hàng Vietcombank	811	3.501.000	
11	CG001/01	15/01/25	TT khoản vay Ngân hàng Vietcombank	1121VCB		3.501.000
...	...	...	...	...	...	...
681	KC006/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	911	17.842.768	
681	KC006/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	4212		17.842.768
Tổng cộng số phát sinh					7.870.839.900	7.870.839.900
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người lập biểu				Kế toán trưởng		Giám đốc
(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.37: Sổ Nhật ký chung

2.2.2.4. Kế toán chi phí khác

a. Đặc điểm

Trong năm 2025, phát sinh chi phí khác là tiền chậm nộp thuế, tiền nộp phạt trả tiền vay trước hạn và chi phí BHXH, BHYT của giám đốc không hưởng lương.

b. Tài khoản sử dụng

TK 811 “Chi phí khác”

c. Chứng từ, sổ sách sử dụng

Chứng từ sử dụng

- Sao kê ngân hàng
- Bảng tính lương

Sổ sách sử dụng

- Sổ Cái TK 811
- Sổ Chi tiết TK 811
- Sổ Nhật ký chung

d. Kế toán chi phí khác tại Công ty

Ngày 31/03/2025, căn cứ vào sao kê ngân hàng Vietcombank và Giấy báo Nợ, kế toán thực hiện hạch toán khoản chi tiền chậm nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước. Số tiền thanh toán là 21.600 đồng.

Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
17/02/2025 9.136	20.000.000		22.191.380	CHI Q WITHDRAWALKII HO THANH TU RUT SEC BR 763827, CC 049085005575, NGAY 12/08/2021
25/02/2025 9701.0007915012		5.361	22.196.741	INTEREST PAYMENT
28/02/2025 1.226	10.000.000		12.196.741	CHI Q WITHDRAWALKII HO THANH TU RUT SEC BR 763829
05/03/2025 9920.5		14.278.000	26.474.741	//SAL20250645065044845037//CTY TNHH MTV SEDO VINAKO TT NHOT CHO MAY MOC TAI INHOUSE 5
06/03/2025 5009.53166		19.599.840	46.074.581	SHGD.10005514 DD 250306 BO CT TNHH THIET BI CONG NGHIEP HIEP PHAT Remark thanh toan tien hang theo HD 8 ngay 24/02/2025
11/03/2025 7.160	12.667.810		33.406.771	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV HOA KEO TAN AN THINH chuyen tien CONG TY CO PHAN NPOIL//TK: 14010001466076 tại Ngân hang Dau tu va Phat trien Viet Nam BIDV CTY TAN AN THINH TT TIEN DAU
12/03/2025 9920.7		24.846.800	58.253.571	//SAL20250715065044845002//CTY TNHH MTV SEDO VINAKO TT DAU MAY MAY BINH CHONG RI 1 11 12
21/03/2025 1.197		4.000.000		HIO THANH TU NT
21/03/2025 1.200	60.425.930			CHUYEN KHOANCT TNHH MTV HOA KEO TAN AN THINH chuyen tien CONG TY CO PHAN NPOIL//TK: 14010001466076 tại Ngân hang Dau tu va Phat trien Viet Nam BIDV TT TIEN
21/03/2025 1.202	22.000		1.805.641	CHUYEN KHOANTHU PHI CT TRONG VONG 2 NGAY O CT 1.200
24/03/2025 5009.27495		16.999.840	18.805.481	SHGD.10004275 DD 250324 BO.CTY TNHH TB CN HIEP PHAT.Remark .THANH TOAN TIEN HANG THEO HD 15 NGAY 03/03/2025.
25/03/2025 9920.9		16.005.000		IBBIZ.50870010252541250325.9 CONG TY TNHH SX SOI CHI RIO QUANG NAM TT DAU TRUC CHINH HD 10
25/03/2025 9702.0007915012		5.295	34.815.776	INTEREST PAYMENT
31/03/2025 5065.9589	21.600			NTDT+KB.0168-Phong Giao dich so 9 - Kho bac Nha nuoc Khu vuc XII+NgayNT:31032025+MST.0401895421+DB HC:495HH+TKNS.7111+CQT:1007286-LThuc :01(C:754-TM.4917-KT.00/12/9999-ST.21600-G Chu.)
31/03/2025 5065.9594	900.000		33.894.176	NTDT+KB.0168-Phong Giao dich so 9 - Kho bac Nha nuoc Khu vuc XII+NgayNT:31032025+MST.0401895421+DB HC:495HH+TKNS.7111+CQT:1007286-LThuc :01(C:757-TM.1001-KT.00/Q4/2024-ST.900000 -GChu.)

Postal address:
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT
Swift : BFTV VNVX
Website: www.vietcombank.com.vn
Contact center: 1900.54 54.13

Page 2 of 4

Hình 2.38: Sao kê tiền thuế chậm nộp

Khống ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Mẫu số C1- 02/NS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)

Mã hiệu: 2025033150659589 Số: 2025033150659589

Số tham chiếu: 11220250312565540

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MTV HÓA KEO TÂN AN THỊNH

Mã số thuế: 0401895421

Địa chỉ: Lô 51, B1-54 Khu đô thị sinh thái Hòa Xuân, Phường Hoà Xuân

Quận/Huyện: Quận Cẩm Lệ

Tỉnh, TP: Đà Nẵng

Người nộp thay:

Tỉnh, TP:

Địa chỉ:

Quận/Huyện:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

trích TK số: 00041000334156

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XII

Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Mở tại NH ủy nhiệm thu: VCB - CN Nam Đà Nẵng

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐

Thanh tra Chính phủ ☐

Cơ quan quản lý thu: Quận Cẩm Lệ - Đội Thuế liên huyện Cẩm Lệ - Hòa Vang

Thanh tra tài chính ☐

Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	1122025312564547	00/12/9999	Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân.		21,600	754	4917
Tổng tiền					21,600		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: HAI MƯƠI MỘT NGHÌN SÁU TRĂM ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN			
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....	
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....	
	Mã nguồn NSNN:.....		

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

✓ Người ký :	CÔNG TY TNHH MTV HÓA KEO TÂN AN THỊNH
✓ Ngày ký :	31/03/2025 21:53:12
✓ Người ký :	CỤC THUẾ
✓ Ngày ký :	31/03/2025 21:52:59
✓ Người ký :	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
✓ Ngày ký :	31/03/2025 21:52:01

Hình 2.39: Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước

50-2715-1 Compute Payoff

Loan number	1038023664	Currency code	000 VND
Short name	CT TNHH MTV HOA KE	Quoted to	
Effective date	15-01-25	Quote date	15-01-25
Good-until date	15-01-25		

Interest computation Simple Interest

Principal amount	239,230,000.00
+Interest due	1,985,937.00
+Late charge -overdue prin	.00
+Penalty interest due	.00
+Fees 1/2 or levies due	.00
+Fee 3 due	.00
+Charge-off amount	.00
+Unpaid insurance	.00
+Escrow balance	.00
-Total of rebates	.00
+Penalty amount	3,501,000.00
+Payoff fee amount	.00
+Late charge -uncoll int	.00
Net payoff	244,716,937.00

F3=Exit F12=Cancel F16=Print quote F22=Enquiry call

Hình 2.40: Tiền phạt do trả nợ vay trước hạn

Sau khi kiểm tra, nghiệp vụ được kế toán hạch toán nghiệp vụ trên phần mềm.

như sau:

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất Thu chi Công nợ TSCĐ Tổng hợp Hệ thống Trợ giúp Language

Esc Ctrl-D Ctrl-M Ctrl-S Ctrl-R Ctrl-W Ctrl-T Ctrl-N F1

Tìm kiếm chứng từ CG003/03

Số CT CG003/03 Ngày 31/03/2025 Chứng từ gốc

Đã tương CCTCL *D Chi cục thuế Q Cẩm Lệ

Địa chỉ Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Ngân hàng

Cửa hàng

Lý do Nộp tiền chậm nộp thuế TNCN *L

Loại tiền VND Tỷ giá 1.00

Số TK Tỉnh/TP T

Chọn Chứng từ hàng hóa, dịch vụ Hạch toán chênh lệch tỷ giá

Diễn giải	Số tiền	TK Nợ	TK Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đơn hàng	Ngày đến hạn	Lãi suất(%)	Kỳ tính lãi
*1 Nộp tiền chậm nộp thuế TNCN	21.600	811	1121VCB								
*2											

Thuế GTGT

Ngày HĐ	Mẫu HĐ	Ký hiệu	Số HĐ	Loại hàng	Loại thuế	Tiền chưa VAT	Tiền thuế	TK Nợ	TK Có	Mã đối tượng	Đơn vị	Địa chỉ	MST/CC	Diễn giải
*1														

Tổng thanh toán 21.600 Tổng hóa đơn 0

Đã nghỉ Tam ứng/Hoàn ứng Copy Phiếu Thêm từ file XML

Đổi Lưu Chấm Xóa Windows Thoát

Dữ liệu: \\192.168.1.3\d\ketoan\DLKETOAN-HANH\1\BCTC CUOI NAM\CTY TAN AN THINH\TAN AN THINH 2025.vda Người dùng: Admin

Hình 2.41: Giao diện hạch toán Tiền chậm nộp trên phần mềm

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất Thu chi Công nợ TSCĐ Tổng hợp Hệ thống Trợ giúp Language

Esc Ctrl-D Ctrl-M Ctrl-S Ctrl-R Ctrl-W Ctrl-T Ctrl+N F1

CG001/01

Số CT: CG001/01 Ngày: 15/01/2025 Chứng từ gốc: Cửa hàng: TT khoản vay

Đồ tương: NHVCB *D Ngân hàng Vietcombank Lý do: TT khoản vay

Địa chỉ: Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Ngân hàng: Số TK: Tỉnh/TP:

Chức vụ thu chi: Chọn Chứng từ hàng hóa, dịch vụ Hạch toán chênh lệch tỷ giá

Diễn giải	Số tiền	TK Nợ	TK Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đơn hàng	Ngày đến hạn	Lãi suất (%)	Kỳ tính lãi
1 TT khoản vay	239.230.000	3411VC	1121VCB								
2 TT khoản vay	1.985.937	635	1121VCB								
3 TT khoản vay	3.501.000	811	1121VCB								
*4											

Thuế GTGT

Ngày HĐ	Mẫu HĐ	Ký hiệu	Số HĐ	Loại hàng	Loại thuế	Tiền chưa VAT	Tiền thuế	TK Nợ	TK Có	Mã đồ tương	Đơn vị	Địa chỉ	MST/CC	Diễn giải
*1														

Tổng thanh toán: 244.716.937 Tổng hóa đơn: 0

Dữ liệu: \\192.168.1.11\diketoan\DKETOAN-HANH\1\BCTC\CUOI NAM\CTY TAN AN THINH\TAN AN THINH 2025.vda Người dùng: Admin

Hình 2.42: Giao diện hạch toán Tiền phạt trên phần mềm

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất Thu chi Công nợ TSCĐ Tổng hợp Hệ thống Trợ giúp Language

Esc Ctrl-D Ctrl-M Ctrl-S Ctrl-R Ctrl-W Ctrl-T Ctrl+N F1

TH002/12

Số CT: TH002/12 Ngày: 31/12/2025 CT gốc: Cửa hàng: Trích BHXH T12

Đồ tương: BHXH *D BẢO HIỂM XÃ HỘI QUẢN CẢM LỆ Lý do: Trích BHXH T12

Địa chỉ: Loại tiền: VND Tỷ giá: 1

Chức vụ phát sinh: Thêm từ file XML Copy chứng từ Thêm chi tiết từ Excel Mẫu Excel

Diễn giải	Số tiền	TK Nợ	Khách Nợ	TK Có	Khách Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đơn hàng
1 Trích BHXH T12	585.000	811		3383						
2 Trích BHXH T12	105.300	811		3384						
*3										

Thuế GTGT

Ngày HĐ	Mẫu HĐ	Ký hiệu	Số HĐ	Loại hàng	Loại thuế	Thuế suất	Tiền chưa VAT	Tiền thuế	TK Nợ	TK Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Diễn giải
*1															

Tổng hạch toán: 690.300 Tổng hóa đơn: 0

Dữ liệu: \\192.168.1.11\diketoan\DKETOAN-HANH\1\BCTC\CUOI NAM\CTY TAN AN THINH\TAN AN THINH 2025.vda Người dùng: Admin

Hình 2.43: Giao diện hạch toán chi phí BHXH, BHYT của giám đốc không hưởng lương

Hệ thống sẽ tự động trích xuất số liệu để lên Sổ Cái TK 811 và Sổ chi tiết TK 811, Sổ Nhật ký chung.

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 811 (Chi phí khác)						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	CG001/01	15/01	TT khoản vay (Ngân hàng Vietcombank)	1121VCB	3.501.000	
2	KC008/01	31/01	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	911		3.501.000
			Cộng phát sinh tháng 01		3.501.000	3.501.000
			Số dư cuối tháng 01			
3	CG003/03	31/03	Nộp tiền chậm nộp thuế TNCN	1121VCB	21.600	
4	KC005/03	31/03	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	911		21.600
			Cộng phát sinh tháng 03		21.600	21.600
			Số dư cuối tháng 03			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 1		3.522.600	3.522.600
...	...	..	...	...	...	
22	TH002/12	31/12	Trích BHXH T12 (BẢO HIỂM XÃ HỘI CƠ SỞ CẤP LỆ)	3383	585.000	
23	TH002/12	31/12	Trích BHXH T12 (BẢO HIỂM XÃ HỘI CƠ SỞ CẤP LỆ)	3384	105.300	
24	KC005/12	31/12	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	911		690.300
			Cộng phát sinh tháng 12		690.300	690.300
			Số dư cuối tháng 12			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 4		2.099.734	2.099.734
			Cộng lũy kế từ đầu năm		7.708.084	7.708.084
			Số dư cuối kỳ	x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ			Kế toán trưởng		Giám đốc	
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)	

Hình 2.44: Sổ Cái TK 811 (Trích sổ Cái TK 811)

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOA KEO TÂN AN THỊNH					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân,TP. Đà Nẵng					(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 811 (Chi phí khác)								
Đơn vị tính : Đồng								
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	CG001/01	15/01	TT khoản vay (Ngân hàng Vietcombank)	1121VCB	3.501.000		3.501.000	
2	KC008/01	31/01	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	911		3.501.000		
Cộng phát sinh tháng 01					3.501.000	3.501.000		
Số dư cuối tháng 01								
3	CG003/03	31/03	Nộp tiền chậm nộp thuế TNCN	1121VCB	21.600		21.600	
4	KC005/03	31/03	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	911		21.600		
Cộng phát sinh tháng 03					21.600	21.600		
Số dư cuối tháng 03								
Cộng lũy kế từ đầu quý 1					3.522.600	3.522.600		
...	...	...	...	...	...	...	...	...
22	TH002/12	31/12	Trích BHXH T12 (BẢO HIỂM XÃ HỘI CƠ SỞ CẤP LỆ)	3383	585.000		585.000	
23	TH002/12	31/12	Trích BHXH T12 (BẢO HIỂM XÃ HỘI CƠ SỞ CẤP LỆ)	3384	105.300		690.300	
24	KC005/12	31/12	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	911		690.300		
Cộng phát sinh tháng 12					690.300	690.300		
Số dư cuối tháng 12								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					2.099.734	2.099.734		
Cộng lũy kế từ đầu năm					7.708.084	7.708.084		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025					Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình 2.45: Sổ Chi tiết TK 811 (Trích sổ Chi tiết TK 811)

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH				Mẫu số S03a-DNN		
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2025						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HĐ 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	6422	636.445	
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HĐ 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	1111		636.445
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HĐ 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	1331	63.645	
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HĐ 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	1111		63.645
11	CG001/01	15/01/25	TT khoản vay Ngân hàng Vietcombank	34111VC	239.230.000	
11	CG001/01	15/01/25	TT khoản vay Ngân hàng Vietcombank	1121VCB		239.230.000
11	CG001/01	15/01/25	TT khoản vay Ngân hàng Vietcombank	635	1.985.937	
11	CG001/01	15/01/25	TT khoản vay Ngân hàng Vietcombank	1121VCB		1.985.937
11	CG001/01	15/01/25	TT khoản vay Ngân hàng Vietcombank	811	3.501.000	
11	CG001/01	15/01/25	TT khoản vay Ngân hàng Vietcombank	1121VCB		3.501.000
...	...	...	...	...	...	...
140	CG003/03	31/03/25	Nộp tiền chậm nộp thuế TNCN	811	21.600	
140	CG003/03	31/03/25	Nộp tiền chậm nộp thuế TNCN	1121VCB		21.600
...	...	...	...	...	...	...
663	TH002/12	31/12/25	Trích BHXH T12 BẢO HIỂM XÃ HỘI CƠ SỞ CẨM LỆ	811	585.000	
663	TH002/12	31/12/25	Trích BHXH T12 BẢO HIỂM XÃ HỘI CƠ SỞ CẨM LỆ	3383		585.000
663	TH002/12	31/12/25	Trích BHXH T12 BẢO HIỂM XÃ HỘI CƠ SỞ CẨM LỆ	811	105.300	
663	TH002/12	31/12/25	Trích BHXH T12 BẢO HIỂM XÃ HỘI CƠ SỞ CẨM LỆ	3384		105.300
...	...	...	...	...	...	...
681	KC006/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	911	17.842.768	
681	KC006/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	4212		17.842.768
Tổng cộng số phát sinh					7.870.839.900	7.870.839.900
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người lập biểu				Kế toán trưởng		Giám đốc
(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.46: Sổ Nhật ký chung

2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Đặc điểm

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế mà doanh nghiệp phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành. Đây là căn cứ quan trọng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính.

Hàng quý, kế toán căn cứ vào kết quả kinh doanh để tạm tính số thuế TNDN phải nộp. Đến cuối năm, dựa trên tổng kết kết quả hoạt động kinh doanh cả năm, kế

toán trưởng tiến hành lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp để nộp cho Nhà nước theo đúng quy định, sau đó thực hiện lưu trữ các chứng từ liên quan để phục vụ công tác đối soát, kiểm tra.

b. Tài khoản sử dụng

TK 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

c. Chứng từ, sổ sách sử dụng

Chứng từ sử dụng

- Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước.
- Tờ khai quyết toán TNDN (03/TNDN) (TT 80/2021).

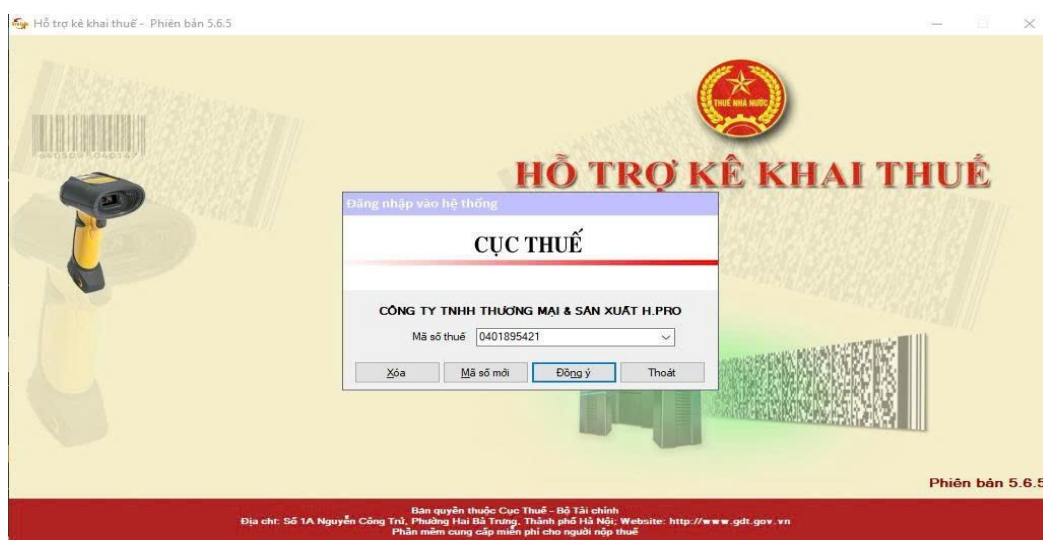
Sổ sách sử dụng

- Sổ Cái TK 821
- Sổ Chi tiết TK 821
- Sổ Nhật ký chung

d. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty

Vào thời điểm cuối kỳ kế toán, sau khi hoàn tất việc kiểm tra, đối soát dữ liệu và hoàn thành báo cáo tài chính năm, kế toán trưởng tiến hành lập Tờ khai quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Để thực hiện công việc này, kế toán căn cứ vào số liệu đã được chuẩn hóa trên sổ sách, sau đó đăng nhập và nhập liệu trực tiếp vào phần mềm HTKK (Hỗ trợ kê khai). Sau khi kiểm tra tính khớp đúng giữa phần mềm kế toán và phần mềm kê khai, đơn vị thực hiện kết xuất tờ khai để nộp cho cơ quan thuế theo đúng thời hạn quy định.



Hình 2.47: Giao diện đăng nhập phần mềm HTTK

Sau khi đăng nhập vào phần mềm HTTK → Chọn thuế Thu nhập doanh nghiệp
→ Chọn tờ khai quyết toán thuế TNDN (03/TNDN) (TT80/2021) để khai.



Hình 2.48: Giao diện chọn tờ khai để kê khai thuế trên phần mềm HTTK
 → Tờ khai quyết toán thuế TNDN ở bên dưới:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MTV HÓA KEO TẤN AN THỊNH

[07] Mã số thuế: 0401895421

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(88.205.693)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	7.708.084
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	7.708.084
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	(80.497.609)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(80.497.609)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	(80.497.609)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0

4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9=(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BDS	D	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BDS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BDS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BDS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BDS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BDS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
1	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=H1+H2$)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NGƯỜI VIỄN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Hồ Thanh Tú

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BDS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MTV HÓA KEO TÂN AN THỊNH

Ngày ký: 31/03/2026 10:32:22.

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MTV HÓA KEO TÂN AN THỊNH

[03] Mã số thuế: 0401895421

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	993.804.587
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	84.357
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	84.357
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	1.072.400.736
a	Giá vốn hàng bán	[13]	713.299.865
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	359.100.871
5	Chi phí tài chính	[16]	1.985.937
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	(80.497.729)
7	Thu nhập khác	[19]	120
8	Chi phí khác	[20]	7.708.084
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	(7.707.964)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	(88.205.693)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Hồ Thanh Tú

Ghi chú: Số liệu chi tiêu [22] được tổng hợp vào chi tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MTV HÓA KEO TÂN AN THỊNH

Ngày ký: 31/03/2026 10:32:22.

Hình 2.49: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2025, công ty ghi nhận kết quả kinh doanh lỗ 88.205.693 đồng. Do phát sinh lỗ trong kỳ tính thuế, công ty không phát sinh thu nhập chịu thuế TNDN, vì vậy đơn vị không hạch toán và nộp thuế TNDN.

2.2.3. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

2.2.3.1. Đặc điểm

Cuối kỳ kế toán, kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác để xác định doanh nghiệp lãi hay lỗ trong năm tài chính.

2.2.3.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng

a. Chứng từ sử dụng

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02–DNN)

b. Sổ sách sử dụng

- Sổ Cái TK 911
- Sổ Chi tiết TK 911
- Sổ Nhật ký chung

2.2.3.3. Tài khoản sử dụng

TK 911 “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”

2.2.3.4. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty

Cuối kỳ, sau khi đã kiểm tra tất cả chứng từ kế toán, kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu và chi phí vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh trong năm. Vào mục “Tổng hợp” → Chọn “Kết chuyển lãi lỗ” phần mềm sẽ tự động kết chuyển, và tự động lên các Sổ Cái TK 911, Sổ chi tiết TK 911, Sổ Nhật ký chung.

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 911 (Xác định kết quả kinh doanh)						
				Đơn vị tính : Đồng		
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
Số dư đầu kỳ				x		
1	KC002/01	31/01	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		38.395.946
2	KC003/01	31/01	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515		7.629
3	KC004/01	31/01	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	711		119
4	KC005/01	31/01	K.c giá vốn hàng bán	632	29.085.153	
5	KC006/01	31/01	K.c Chi phí tài chính	635	1.985.937	
6	KC007/01	31/01	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	28.865.385	
7	KC008/01	31/01	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	811	3.501.000	
8	KC009/01	31/01	K.c lỗ kinh doanh trong kỳ	4212		25.033.781
...	...	...	...	...	...	...
68	KC001/12	31/12	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		167.394.010
69	KC002/12	31/12	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515		5.629
70	KC003/12	31/12	K.c giá vốn hàng bán	632	124.963.676	
71	KC004/12	31/12	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	23.902.895	
72	KC005/12	31/12	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	811	690.300	
73	KC006/12	31/12	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	4212	17.842.768	
Cộng phát sinh tháng 12					167.399.639	167.399.639
Số dư cuối tháng 12						
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					347.165.695	347.165.695
Cộng lũy kế từ đầu năm					1.116.658.019	1.116.658.019
Số dư cuối kỳ				x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình 2.50: Sổ Cái TK 911 (Trích sổ Cái TK 911)

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng					(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 911 (Xác định kết quả kinh doanh)								
					Đơn vị tính : Đồng			
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	KC002/01	31/01	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		38.395.946		38.395.946
2	KC003/01	31/01	K.c doanh thu hoạt động tài chính	515		7.629		38.403.575
3	KC004/01	31/01	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	711		119		38.403.694
4	KC005/01	31/01	K.c giá vốn hàng bán	632	29.085.153			9.318.541
5	KC006/01	31/01	K.c Chi phí tài chính	635	1.985.937			7.332.604
6	KC007/01	31/01	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	28.865.385		21.532.781	
7	KC008/01	31/01	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	811	3.501.000		25.033.781	
8	KC009/01	31/01	K.c lỗ kinh doanh trong kỳ	4212		25.033.781		
...	...	...	...	...	...	...	...	...
68	KC001/12	31/12	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		167.394.010		167.394.010
69	KC002/12	31/12	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515		5.629		167.399.639
70	KC003/12	31/12	K.c giá vốn hàng bán	632	124.963.676			42.435.963
71	KC004/12	31/12	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	23.902.895			18.533.068
72	KC005/12	31/12	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	811	690.300			17.842.768
73	KC006/12	31/12	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	4212	17.842.768			
Cộng phát sinh tháng 12					167.399.639	167.399.639		
Số dư cuối tháng 12								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					347.165.695	347.165.695		
Cộng lũy kế từ đầu năm					1.116.658.019	1.116.658.019		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025					Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình 2.51: Sổ Chi tiết TK 911 (Trích sổ Chi tiết TK 911)

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH				Mẫu số S03a-DNN		
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2025						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HĐ 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	6422	636.445	
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HĐ 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	1111		636.445
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HĐ 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	1331	63.645	
1	CM001/01	01/01/25	TT xăng - HĐ 710 CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM	1111		63.645
...	...	...	...	...	...	...
676	KC001/12	31/12/25	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111	167.394.010	
676	KC001/12	31/12/25	K.c doanh thu bán hàng hoá	911		167.394.010
677	KC002/12	31/12/25	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515	5.629	
677	KC002/12	31/12/25	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911		5.629
678	KC003/12	31/12/25	K.c giá vốn hàng bán	911	124.963.676	
678	KC003/12	31/12/25	K.c giá vốn hàng bán	632		124.963.676
679	KC004/12	31/12/25	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	23.902.895	
679	KC004/12	31/12/25	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		23.902.895
680	KC005/12	31/12/25	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	911	690.300	
680	KC005/12	31/12/25	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	811		690.300
681	KC006/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	911	17.842.768	
681	KC006/12	31/12/25	K.c lãi kinh doanh trong kỳ	4212		17.842.768
			Tổng cộng số phát sinh		7.870.839.900	7.870.839.900
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người lập biểu		Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình 2.52: Sổ Nhật ký chung

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mẫu số: **B02**
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MTV HÓA KEO TÂN AN THỊNH
[03] Mã số thuế: 0401895421

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	993.804.587	911.360.037
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		993.804.587	911.360.037
4. Giá vốn hàng bán	11		713.299.865	684.775.260
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		280.504.722	226.584.777
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		84.357	82.218
7. Chi phí tài chính	22		1.985.937	27.794.164
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		359.100.871	338.984.303
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(80.497.729)	(140.111.472)
10. Thu nhập khác	31		120	5
11. Chi phí khác	32		7.708.084	85.109
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(7.707.964)	(85.104)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	(88.205.693)	(140.196.576)
14. Chi phí thuế TNDN	51		0	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		(88.205.693)	(140.196.576)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)
THÁI T. MỸ HẠNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
HỒ THANH TỬ

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MTV HÓA KEO TÂN AN THỊNH
Ngày ký: 31/03/2026 10:34:01.

Hình 2.53: Phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM ĐÓNG GÓP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV HÓA KEO TÂN AN THỊNH

3.1. Những nhận xét về công tác kế toán tại Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh

3.1.1. Ưu điểm

➤ Về tổ chức bộ máy kế toán:

Phân công nhiệm vụ rõ ràng giữa các phòng ban.

Được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, phương tiện làm việc phục vụ cho công tác kế toán.

➤ Về đội ngũ nhân viên kế toán:

Nhân viên kế toán có trình độ chuyên môn vững vàng, được đào tạo bài bản từ các trường cao đẳng, đại học chuyên ngành kế toán – tài chính.

Thành thạo trong việc sử dụng phần mềm kế toán hỗ trợ cho công tác hạch toán.

Nhân viên kế toán có tinh thần trách nhiệm cao, năng động, nhiệt tình, thích ứng nhanh với môi trường kinh doanh của công ty.

➤ Về hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán:

Công ty thực hiện đầy đủ việc lập, luân chuyển và lưu trữ chứng từ kế toán theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Các sổ kế toán được ghi chép chi tiết, đầy đủ rõ ràng cho từng đối tượng khách hàng, từng loại hàng hóa thực phẩm và từng nghiệp vụ bán hàng.

Hệ thống chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, phiếu thu, phiếu chi,... được áp dụng đúng mẫu do Bộ tài chính ban hành.

Chứng từ và sổ sách kế toán được kiểm tra, đối chiếu định kỳ, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời.

Cuối mỗi kỳ kế toán, chứng từ được đóng thành tập theo từng phần hành, sắp xếp khoa học theo trình tự thời gian, thuận tiện cho việc đối chiếu sai sót và phục vụ công tác kiểm tra từ cơ quan thuế đầy đủ, chính xác, không thiếu sót.

➤ Về hệ thống tài khoản và phần mềm kế toán:

Công ty áp dụng đầy đủ và thống nhất tài khoản kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 26/08/2016.

Toàn bộ hệ thống tài khoản được thiết lập và quản lý đồng bộ trên phần mềm kế toán Việt Đà

➤ **Về phương pháp kế toán:**

Công ty tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán hiện hành.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán bán hàng được ghi nhận kịp thời, chính xác, phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.

➤ **Về hệ thống báo cáo:**

Công ty tuân thủ đúng quy định của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính được phản ánh trung thực, hợp lý về tình hình tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, tình hình lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính phản ánh đầy đủ, trung thực, cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, công tác kế toán tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần được xem xét và khắc phục:

Bộ máy kế toán của công ty với số lượng nhân viên ít nên hầu hết các nhân viên kế toán phải kiêm nhiệm thêm một số phần hành khác do đó là chậm trễ trong việc ghi chép và cung cấp số liệu làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. Công ty cần thường xuyên tổ chức hoặc tạo điều kiện cho đội ngũ kế toán tham gia các khóa đào tạo, cập nhật kiến thức về chính sách thuế và các chuẩn mực kế toán mới.

Nâng cấp hạ tầng cơ sở vật chất: để tăng tốc độ xử lý công việc, công ty cần chú trọng đầu tư, nâng cấp hệ thống máy tính, máy in và các thiết bị văn phòng. Việc đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định sẽ giúp quá trình lưu trữ và trích xuất dữ liệu được thực hiện nhanh chóng, chuyên nghiệp hơn.

Tối ưu hóa công cụ phần mềm: công ty nên xem xét việc nâng cấp phần mềm kế toán đang sử dụng phiên bản hiện đại hơn để tích hợp thêm các tính năng tự động hóa. Việc đồng bộ hóa dữ liệu giữa các phần hành doanh thu, chi phí trên phần mềm sẽ giúp việc sử dụng trở nên tiện lợi, chính xác và hiệu quả hơn trong công tác báo cáo.

3.2. Những nhận xét về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết hoạt động quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh

3.2.1. Ưu điểm

Kế toán doanh thu, thu nhập khác: Mọi nghiệp vụ phát sinh liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hàng hóa đều được bộ phận kế toán ghi nhận kịp thời, đảm bảo tính đầy đủ và chính xác cao. Hệ thống theo dõi doanh thu và công

nợ khách hàng luôn được cập nhật liên tục, tạo cơ sở dữ liệu tin cậy cho việc phân tích và đánh giá hiệu quả kinh doanh của công ty theo từng giai đoạn.

Kế toán chi phí: Quy trình ghi nhận chi phí được thực hiện chặt chẽ, bám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế. Kế toán đã thể hiện vai trò chủ động trong việc xây dựng kế hoạch chi phí, giúp công ty kiểm soát tốt nguồn lực, hạn chế tối đa các khoản lãng phí không đáng có và tối ưu hóa hiệu quả tài chính trong mọi tình hình biến động của thị trường.

Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh: Công tác tổng hợp và xác định kết quả kinh doanh được thực hiện bài bản, định kỳ. Các báo cáo cung cấp thông tin kịp thời, súc tích và dễ hiểu cho giám đốc. Nhờ đó, giám đốc có cái nhìn chính xác về thực trạng tài chính để đưa ra các quyết định quản lý phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

3.2.2. Nhược điểm

- Phần kết chuyển các sổ của TK 711 và TK 811 tại công ty:

Kế toán không thống nhất về phần diễn giải kết chuyển ở các sổ Cái, sổ chi tiết, sổ Nhật ký chung của TK 711 và TK 811 đều ghi chung là “K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính”. Trích hình ảnh minh họa sổ Cái bên dưới và các sổ chi tiết, sổ Nhật ký chung tương tự:

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÀ KEO TÂN AN THỊNH				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân,TP. Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 711 (Thu nhập khác)						
				Đơn vị tính : Đồng		
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	TG001/01	13/01	Khách hàng TT tiền hàng (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VĂN KHOA)	1121VCB		119
2	KC004/01	31/01	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	911	119	
			Cộng phát sinh tháng 01		119	119
			Số dư cuối tháng 01			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 1		119	119
3	TG005/10	10/10	Khách hàng TT tiền hàng (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT TỐI ƯU)	1121VCB		1
4	KC003/10	31/10	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	911	1	
			Cộng phát sinh tháng 10		1	1
			Số dư cuối tháng 10			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 4		1	1
			Cộng lũy kế từ đầu năm		120	120
			Số dư cuối kỳ	x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ			Kế toán trưởng	Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÀ KEO TÂN AN THỊNH				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân,TP. Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 811 (Chi phí khác)						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	CG001/01	15/01	TT khoản vay (Ngân hàng Vietcombank)	1121VCB	3.501.000	
2	KC008/01	31/01	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	911		3.501.000
...	...	...	...	...	...	...
3	CG003/03	31/03	Nộp tiền chậm nộp thuế TNCN (Chi cục thuế Q Cẩm Lệ)	1121VCB	21.600	
4	KC005/03	31/03	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	911		21.600
			Cộng phát sinh tháng 03		21.600	21.600
...	...	...	...	...	...	...
24	KC005/12	31/12	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	911		690.300
			Cộng phát sinh tháng 12		690.300	690.300
			Số dư cuối tháng 12			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 4		2.099.734	2.099.734
			Cộng lũy kế từ đầu năm		7.708.084	7.708.084
			Số dư cuối kỳ	x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình 3.1: Các sổ của TK 711 và TK 811 tại công ty

- Phần chi phí quản lý kinh doanh tại công ty:

*** Chi phí tiền lương :**

+ Kế toán hạch toán chi phí tiền lương của nhân viên ở phòng kinh doanh vào TK 6422 là chưa thực sự phù hợp

Nợ TK 6422

Có TK 334

+ Việc khấu trừ 10% thuế TNCN đối với khoản thu nhập 1 triệu đồng của nhân viên kế toán hiện chưa phù hợp với quy định hiện hành. Căn cứ theo Điểm i Khoản 1 Điều 25 Thông tư 111/2013/TT-BTC, tỷ lệ khấu trừ 10% chỉ áp dụng cho các lần chi trả thu nhập từ 2 triệu đồng trở lên. Do đó, khoản chi 1 triệu đồng này chưa tới mức phải khấu trừ thuế.

*** Khấu hao TSCĐ:**

Việc xác định thời gian khấu hao chiếc xe ô tô 7 chỗ Toyota Avanza Premio là 5 năm hiện đang lệch khung khấu hao theo quy định (vốn từ 6 đến 10 năm đối với phương tiện vận tải đường bộ theo Thông tư 45/2013/TT-BTC). Điều này dẫn đến việc phát sinh khoản chi phí khấu hao vượt định mức, trực tiếp ảnh hưởng tới tờ khai quyết toán thuế TNDN.

3.3. Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động tại Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh

- Phân kết chuyển các sổ tại công ty:

Đề xuất kế toán công ty nên thay đổi lại diễn giải kết chuyển ở các sổ Cái, sổ chi tiết, sổ Nhật ký chung của thu nhập khác và chi phí khác từ “Kết chuyển doanh thu nghiệp vụ tài chính” sang “Kết chuyển thu nhập khác”, “Kết chuyển chi phí khác”. Để dễ dàng phân biệt không trùng lặp.

- Phần chi phí quản lý kinh doanh tại công ty:

*** Chi phí tiền lương:**

+ Vì nhân viên kinh doanh trực tiếp thực hiện các hoạt động từ tiếp thị, bán hàng đến chăm sóc khách hàng nhằm thúc đẩy tiêu thụ, tăng doanh thu, em đề xuất hạch toán lương của bộ phận này vào TK 6421 để phản ánh đúng bản chất chi phí bán hàng.

Nợ TK 6421

Có TK 334

+ Đề xuất công ty không trích khấu trừ thuế TNCN đối với các khoản lương chi trả dưới 2 triệu đồng. Phải chi trả đủ lương là 1 triệu đồng, cài đặt lại công thức trên phần mềm excel chỉ kích hoạt lệnh trích giữ 10% khi thu nhập từ 2 triệu đồng trở lên.

*** Khấu hao TSCĐ:**

+ Từ những nhược điểm trong việc xác định khấu hao TSCĐ đã nêu ở trên, nhằm đảm bảo tính hợp lệ của chi phí và giảm thiểu rủi ro truy thu thuế cho đơn vị, em xin đề xuất phương án khấu hao đối với xe ô tô 7 chỗ Toyota Avanza Premio với các số liệu tính toán chi tiết như sau:

Xác định nguyên giá của TSCĐ

- Giá mua (chưa VAT): 530.000.000
- Lệ phí trước bạ: 58.900.000
- Chi phí liên quan khác: 8.020.000

Nguyên giá = 530.000.000 + 58.900.000 + 8.020.000 = 596.920.000

Mức khấu hao thực tế tại công ty theo thời gian là 5 năm = 596.920.000/5 = 119.384.000.

Mức khấu hao đề xuất theo thời gian 6 năm - mức tối thiểu theo Thông tư 45/2013/TT-BTC = 596.920.000/6 = 99.486.667.

→ Chênh lệch = 119.384.000 - 99.486.667 = 19.897.333

Con số chênh lệch 19.897.332 này được xác định là khoản chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN. Kế toán cần thực hiện loại trừ bằng cách kê khai điều chỉnh tăng vào chỉ tiêu B4 trên Tờ khai quyết toán thuế TNDN (Mẫu số 03/TNDN).

KẾT LUẬN

Kỳ thực tập tại Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh không chỉ là một học phần bắt buộc, mà còn là bước đệm đầu đời giúp em hiểu rằng: Kế toán không chỉ nằm trên những con số khô khan, mà thực sự là nhịp đập sống động của cả một doanh nghiệp.

Tại đây, em đã có cơ hội quý báu để làm quen với phần mềm Việt Đà và vận dụng những kiến thức lý thuyết từ mái trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng vào thực tế. Đặc biệt, việc được đồng hành cùng anh chị trong giai đoạn quyết toán Báo cáo tài chính năm 2025 là một trải nghiệm vô giá. Từ những ngỡ ban đầu, em đã dần trưởng thành hơn khi trực tiếp học được cách nhập liệu nghiệp vụ, tỉ mỉ đóng từng tập chứng từ sổ sách, học cách xuất hóa đơn đúng quy định và tập tành làm thử báo cáo thuế cùng các công việc liên quan khác. Những trải nghiệm mắt thấy tai làm này giúp em nhận ra rằng, đằng sau mỗi con số là trách nhiệm, sự cẩn trọng và cái tâm của người làm nghề.

Trong môi trường kinh doanh đầy biến động hiện nay, em hiểu rằng kế toán chính là chiếc la bàn giúp nhà quản trị điều hướng doanh nghiệp thông qua việc phản ánh chính xác doanh thu, chi phí. Thời gian thực tập tại công ty đã giúp em củng cố thêm niềm tin và sự tự tin trên con đường sự nghiệp mình đã chọn.

Để có được sự trưởng thành hôm nay, em xin gửi lời tri ân sâu sắc nhất đến quý thầy, cô khoa Kinh tế - Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và kính trọng nhất đến cô Lâm Xuân Đào. Cảm ơn cô đã luôn dành tâm huyết, sự kiên nhẫn để hướng dẫn và chỉ bảo tận tình, giúp em vượt qua những khó khăn trong suốt quá trình hoàn thiện bài khóa luận tốt nghiệp này.

Dẫu đã dồn hết tâm sức, nhưng bài khóa luận chắc chắn vẫn không tránh khỏi những thiếu sót do kinh nghiệm thực tiễn còn hạn chế. Em rất mong nhận được sự chỉ dẫn và góp ý từ thầy, cô để em có cơ hội hoàn thiện bản thân hơn.

Cuối cùng, em xin kính chúc cô Lâm Xuân Đào, quý thầy, cô cùng tập thể anh chị tại Công ty TNHH MTV Hóa Keo Tân An Thịnh luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và gặt hái được nhiều thành công rực rỡ trong công việc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ Tài chính.
- Tài liệu, sổ sách liên quan đến kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH MTV hóa keo Tân An Thịnh.
- Tham khảo các bài khóa luận của các anh chị khóa trước tại thư viện của trường.

PHỤ LỤC

- Phụ lục 1:

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV HOÁ KEO TÂN AN THỊNH							Mẫu số S06-DNN					
Địa chỉ : Lô 51, B1-54 KĐT Sinh Thái Hòa Xuân,P. Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng							(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)					
SỐ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA												
Năm 2025												
Tài khoản: 156 (Hàng hoá) Mặt hàng: DTCVG10 (Dầu trục chính - NP SPINDLE OIL VG10 - xô 18L) - DVT: Xô												
Đơn vị tính : Đồng												
Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Nhập			Xuất			Tồn		
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B			C	D	1	2	3 = 1 x 2	4	5	6 = 4 x 5	7
		Số tồn đầu kỳ	D							7	834.773	5.843.412
NH1002/01	22/01	Nhập hàng - HD 00000664 CÔNG TY CỔ PHẦN NPOIL	331	18	811.229	14.602.115				25	817.821	20.445.527
NH1001/02	19/02	Nhập hàng - HD 00001009 CÔNG TY CỔ PHẦN NPOIL	331	1	834.773	834.773				26	818.473	21.280.300
XH1006/02	25/02	Xuất hàng - HD 10 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT SỢI CHỈ RIO QUẢNG NAM	632				10	827.710	8.277.098	16	812.700	13.003.202
XH1011/04	22/04	Xuất hàng - HD 32 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT SỢI CHỈ RIO QUẢNG NAM	632				5	811.229	4.056.143	11	813.369	8.947.059
XH1003/05	27/05	Xuất hàng - HD 39 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT SỢI CHỈ RIO QUẢNG NAM	632				7	811.229	5.678.600	4	817.115	3.268.459
NH1004/05	31/05	Nhập hàng - HD 00003879 CÔNG TY CỔ PHẦN NPOIL	331	20	808.319	16.166.373				24	809.785	19.434.832
XH1009/06	25/06	Xuất hàng - HD 52 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT SỢI CHỈ RIO QUẢNG NAM	632				8	812.717	6.501.734	16	808.319	12.933.098
XH1007/07	21/07	Xuất hàng - HD 61 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT SỢI CHỈ RIO QUẢNG NAM	632				5	808.319	4.041.593	11	808.319	8.891.505
NH1003/08	14/08	Nhập hàng - HD 00007876 CÔNG TY CỔ PHẦN NPOIL	331	10	808.293	8.082.929				21	808.306	16.974.434
XH1006/08	16/08	Xuất hàng - HD 73 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT SỢI CHỈ RIO QUẢNG NAM	632				7	808.319	5.658.230	14	808.300	11.316.204
NH1001/10	17/10	Nhập hàng - HD 00010649 CÔNG TY CỔ PHẦN NPOIL	331	10	808.293	8.082.929				24	808.297	19.399.133
XH1005/10	21/10	Xuất hàng - HD 95 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT SỢI CHỈ RIO QUẢNG NAM	632				7	808.308	5.658.154	17	808.293	13.740.979
XH1014/11	29/11	Xuất hàng - HD 109 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT SỢI CHỈ RIO QUẢNG NAM	632				7	808.293	5.658.050	10	808.293	8.082.929
XH1005/12	17/12	Xuất hàng - HD 114 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT SỢI CHỈ RIO QUẢNG NAM	632				10	808.293	8.082.929			
NH1005/12	22/12	Nhập hàng - HD 00012846 CÔNG TY CỔ PHẦN NPOIL	331	1	821.519	821.519				1	821.519	821.519
NH1005/12	26/12	Nhập hàng - HD 00013075 CÔNG TY CỔ PHẦN NPOIL	331	1	808.293	808.293				2	814.906	1.629.812
XH1007/12	26/12	Xuất hàng - HD 116 CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP HIỆP PHÁT	632				1	821.519	821.519	1	808.293	808.293
XH1012/12	27/12	Xuất hàng - HD 121 CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP HIỆP PHÁT	632				1	808.293	808.293			
		Cộng phát sinh		61		49.398.931	68		55.242.343			
		Số dư cuối kỳ								0	0	0
Ngày mở sổ : 01/01/2025							Ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Người ghi sổ				Kế toán trưởng				Giám đốc				
(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên, đóng dấu)				

+ Tính giá xuất kho theo phương pháp Nhập trước - xuất trước

Dựa vào sổ chi tiết vật liệu dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa của mặt hàng Dầu trục chính NP SPINDLE OIL VG10 xô 18L ở phụ lục 1, có bảng tính như sau:

Ngày	Nhập trong kì		Xuất trong kì		Tồn kho		
	Số lượng	Đơn giá	Số lượng	Đơn giá	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Tồn đầu kì					7	834.773	5.843.412
22/01/2025	18	811.229			18	811.229	15.436.888
19/02/2025	1	834.773			1	834.773	834.773
25/02/2025			7	834.773			
			3	811.229	15	811.229	12.168.429
					1	834.773	
22/04/2025			5	811.229	10	811.229	8.112.286
					1	834.773	834.773
27/05/2025			7	811.229	3	811.229	2.433.686
					1	834.773	834.773
31/05/2025	20	808.319			20	808.319	16.166.373
25/06/2025			3	811.229			
			1	834.773			
			4	808.319	16	808.319	12.933.098
21/07/2025			5	808.319	11	808.319	8.891.505
14/08/2025	10	808.293			10	808.293	8.082.929
16/08/2025			7	808.319	4	808.319	3.233.275
					10	808.293	8.082.929
17/10/2025	10	808.293			10	808.293	8.082.929
21/10/2025			4	808.319			
			3	808.293	17	808.293	13.740.979
Tồn cuối					17	808.293	13.740.979

Hình 3.2. Bảng tính đơn giá xuất kho của mặt hàng Dầu trục chính NP SPINDLE OIL VG10 xô 18L

Từ bảng trên vào ngày 21/10/2025 công ty xuất ra 7 xô Dầu trục chính NP SPINDLE OIL VG10 xô 18L có giá xuất kho là:

$$(4 \times 808.319) + (3 \times 808.293) = 5.658.154$$